

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
PHÒNG KHTC**

**PL 03 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ THU NỘP HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số /ĐHKT-KHTC ngày / /2021)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng học phí	Học phí đã nộp	Số nợ	Ghi chú
<b>Khoa Kế Toán</b>				<i>419 sinh viên</i>				
1	18050990	Bùi Thị Linh Anh	08/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
2	18050991	Hà Thị Việt Anh	04/05/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
3	18050992	Hoàng Minh Anh	07/27/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
4	18050993	Hoàng Ngọc Anh	10/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	22,480,000	22,480,000	-	
5	18050994	Hoàng Vân Anh	07/31/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
6	18050996	Lê Việt Anh	04/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
7	18050997	Nguyễn Phương Anh	05/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
8	18050998	Nguyễn Thị Lan Anh	12/29/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
9	18050999	Nguyễn Thị Mai Anh	02/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
10	18051000	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/30/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
11	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
12	18051003	Phạm Thị Hồng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
13	18051004	Phạm Thị Mai Anh	06/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
14	18051005	Phạm Thị Ngọc Anh	05/25/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
15	18051006	Trần Thị Lan Anh	08/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
16	18051007	Trịnh Hoài Anh	06/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
17	18051008	Trịnh Thị Lan Anh	05/11/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
18	18051009	Hồ Ngọc Ánh	05/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
19	18051010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
20	18051011	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/29/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

21	18051013	Phạm Thị Khánh Chi	10/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
22	18051014	Trịnh Kim Chi	12/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
23	18051015	Trịnh Kim Chi	01/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
24	18051016	Đặng Linh Đan	08/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
25	18051020	Phạm Thùy Dung	02/13/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
26	18051021	Trần Thị Phương Dung	06/17/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
27	18051023	Trần Thùy Dương	03/05/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
28	18051025	Trần Thị Duyên	11/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
29	18051028	Nguyễn Huệ Giang	05/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
30	18051029	Nguyễn Thị Hoàng Giang	07/02/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-
31	18051030	Nguyễn Thị Hương Giang	10/25/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
32	18051031	Phùng Thị Thu Giang	10/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
33	18051033	Ngô Thị Thu Hà	08/20/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
34	18051034	Trần Thu Hà	09/30/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
35	18051036	Đàm Thị Ngọc Hân	01/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
36	18051037	Bùi Thu Hằng	11/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
37	18051038	Đới Thị Thúy Hằng	11/03/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
38	18051039	Nguyễn Thị Hằng	05/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
39	18051040	Nguyễn Thị Hằng	09/27/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
40	18051041	Trần Thị Hằng	07/09/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
41	18051043	Đỗ Thanh Hiền	05/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
42	18051045	Trần Thị Thu Hiền	04/03/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
43	18051047	Lê Thị Hoa	06/05/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
44	18051049	Nguyễn Thị Hồng	02/15/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
45	18051050	Lê Thị Minh Hương	07/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
46	18051052	Hồ Thị Thanh Huyền	08/17/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
47	18051053	Lê Kim Huyền	10/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
48	18051055	Thái Thị Huyền	11/20/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
49	18051059	Đỗ Hoàng Lan	12/11/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
50	18051060	Trần Thị Phương Liên	05/10/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-

51	18051061	Đặng Thị Nhật Linh	02/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
52	18051062	Đào Thùy Linh	01/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
53	18051064	Lê Thị Diệu Linh	03/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
54	18051066	Nguyễn Thị Linh	04/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
55	18051067	Phạm Khánh Linh	09/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
56	18051068	Tổng Khánh Linh	10/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
57	18051069	Trần Diệu Linh	02/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	17,500,000	-	
58	18051073	Nguyễn Thị Thúy Mai	09/25/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
59	18051075	Nguyễn Thảo My	10/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
60	18051076	Bùi Phương Nga	09/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
61	18051078	Đoàn Thị Thúy Nga	06/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
62	18051080	Lưu Đại Nghĩa	12/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
63	18051083	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/06/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
64	18051084	Đinh Thị Nguyệt	03/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
65	18051085	Đào Anh Như	09/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
66	18051086	Lưu Thị Hồng Oanh	01/20/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
67	18051087	Bùi Thị Thu Phương	08/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
68	18051088	Đỗ Mai Phương	08/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	17,500,000	-	
69	18051089	Đỗ Ngọc Phương	08/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
70	18051092	Phạm Thị Kim Phương	03/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
71	18051093	Nguyễn Anh Quân	11/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
72	18051094	Phạm Thị Thục Quyên	09/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
73	18051095	Hoàng Thị Thu Quỳnh	09/11/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
74	18051098	Ngô Thúy Quỳnh	10/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
75	18051099	Nguyễn Như Quỳnh	02/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
76	18051100	Vương Thị Như Quỳnh	04/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
77	18051101	Trần Đức Tài	10/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
78	18051102	Đinh Lê Thanh	08/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
79	18051104	Bùi Mai Phương Thảo	10/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
80	18051105	Đỗ Phương Thảo	01/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

81	18051106	Tạ Thị Phương Thảo	11/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
82	18051107	Triệu Phương Thảo	01/10/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
83	18051108	Dương Thị Thơm	08/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
84	18051110	Phạm Thị Anh Thư	09/23/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
85	18051111	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
86	18051112	Đinh Thị Thu Thủy	11/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
87	18051113	Vũ Thị Thu Thủy	03/23/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
88	18051116	Nguyễn Thành Tiến	12/15/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
89	18051117	Cao Thanh Trà	01/22/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
90	18051118	Đặng Thị Trang	03/09/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
91	18051119	Đoàn Minh Trang	04/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
92	18051120	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/19/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
93	18051122	Lê Nguyễn Thành Tú	02/12/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
94	18051123	Bùi Thu Uyên	05/27/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
95	18051124	Phan Thị Thanh Uyên	12/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
96	18051126	Đinh Tôn Thảo Vy	10/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
97	18051128	Phạm Thanh Xuân	03/17/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
98	18051129	Phương Hải Yến	10/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
99	18051130	Hoàng Thị Dừng	09/10/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
100	18051131	Lương Trung Thành	10/05/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
101	19050814	Hồ Hạnh An	01/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
102	19050815	Nguyễn Hải An	11/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
103	19050817	Phạm Vũ Quỳnh An	10/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
104	19050818	Đỗ Hoàng Anh	07/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
105	19050819	Lê Phương Anh	11/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
106	19050820	Lê Thị Hà Anh	09/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
107	19050821	Nguyễn Hồ Kiều Anh	03/12/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
108	19050822	Nguyễn Mai Anh	06/30/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
109	19050823	Nguyễn Phương Anh	04/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
110	19050824	Nguyễn Phương Anh	09/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

111	19050825	Nguyễn Thị Lan Anh	11/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
112	19050827	Phạm Thị Quỳnh Anh	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
113	19050829	Trần Thị Ngọc Anh	10/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
114	19050830	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
115	19050831	Phan Ngọc Ánh	08/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
116	19050832	Nguyễn Thị Ngọc Bích	09/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
117	19050833	Đào Thị Thanh Bình	12/06/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
118	19050835	Nguyễn Minh Châu	11/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
119	19050836	Bùi Kim Chi	06/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
120	19050837	Lê Thị Linh Chi	07/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
121	19050838	Tạ Kim Chi	11/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
122	19050839	Nguyễn Hồng Đăng	01/07/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
123	19050840	Trần Thị Diệu	04/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
124	19050841	Lê Duy Đức	09/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
125	19050843	Giang Thùy Dung	01/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
126	19050844	Phạm Thị Dung	01/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
127	19050845	Tăng Thị Thùy Dung	09/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
128	19050846	Bùi Thùy Dương	04/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
129	19050847	Đinh Thùy Dương	01/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
130	19050849	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
131	19050850	Đinh Thị Cẩm Giang	08/07/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
132	19050851	Nguyễn Hương Giang	06/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
133	19050852	Nguyễn Thùy Giang	07/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
134	19050853	Phuong Thu Giang	02/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
135	19050854	Ngô Thị Hà	07/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
136	19050856	Nguyễn Thị Thu Hà	09/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
137	19050857	Lương Gia Hân	07/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
138	19050858	Hà Minh Hằng	05/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
139	19050860	Lê Thị Hạnh	07/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
140	19050861	Nguyễn Bích Hạnh	03/07/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

141	19050863	Vũ Hồng Hạnh	08/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
142	19050864	Nguyễn Thị Hào	08/30/2000	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
143	19050865	Hoàng Thu Hiền	12/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
144	19050866	Nguyễn Thị Thúy Hiền	09/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
145	19050867	Nguyễn Thu Hiền	07/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
146	19050868	Nguyễn Thị Hoa	03/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
147	19050869	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	06/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
148	19050870	Phùng Thị Thúy Hồng	01/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
149	19050871	Đặng Thị Huệ	10/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
150	19050872	Trần Thị Huệ	01/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
151	19050873	Vũ Ngọc Hùng	07/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	-	
152	19050874	Đỗ Thị Hương	01/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
153	19050876	Nghiêm Thị Thu Hương	01/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
154	19050877	Ngô Thị Lan Hương	10/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
155	19050878	Phạm Thị Thu Hương	10/29/2000	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
156	19050880	Kiều Thị Thu Hương	02/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
157	19050882	Đỗ Thị Huyền	09/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
158	19050883	Mai Ngọc Huyền	07/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
159	19050884	Nguyễn Khánh Huyền	09/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
160	19050885	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
161	19050886	Phùng Thanh Huyền	09/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
162	19050887	Nguyễn Thị Tùng Lâm	10/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
163	19050888	Nguyễn Thị Lan	11/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
164	19050890	Nguyễn Thị Liên	07/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
165	19050892	Đinh Khánh Linh	06/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
166	19050893	Lê Khánh Linh	09/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
167	19050894	Nguyễn Khánh Linh	07/30/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
168	19050895	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
169	19050896	Nguyễn Thùy Linh	10/20/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
170	19050897	Nhâm Thị Diệu Linh	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

171	19050898	Phạm Thị Linh	12/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
172	19050899	Phạm Thị Phương Linh	03/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
173	19050900	Phạm Trần Khánh Linh	12/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
174	19050901	Phí Thùy Linh	12/22/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
175	19050903	Phương Thùy Linh	05/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
176	19050904	Trịnh Thị Mỹ Linh	08/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
177	19050905	Vi Nhật Linh	08/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
178	19050906	Nguyễn Thị Cẩm Ly	10/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
179	19050907	Nguyễn Thị Hương Ly	02/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
180	19050908	Nguyễn Thị Khánh Ly	06/28/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
181	19050909	Phan Hương Ly	10/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
182	19050911	Ngô Phương Mai	11/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
183	19050912	Tan Shi Min	03/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
184	19050913	Nguyễn Hoa Trà My	12/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
185	19050914	Nguyễn Lê Hà My	04/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
186	19050915	Đặng Phạm Ý Mỹ	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
187	19050918	Trần Thu Ngân	12/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
188	19050919	Bùi Thu Ngọc	10/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
189	19050920	Khuất Hồng Ngọc	08/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
190	19050921	Lê Thảo Ngọc	12/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
191	19050922	Lê Thị Hồng Ngọc	05/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
192	19050923	Nguyễn Bích Ngọc	05/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
193	19050924	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
194	19050925	Nguyễn Khánh Nguyên	03/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
195	19050926	Nguyễn Thị Nguyệt	12/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
196	19050928	Đỗ Yến Nhi	01/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
197	19050929	Nguyễn Thị Uyên Nhi	11/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
198	19050930	Nguyễn Trần Mai Nhi	09/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
199	19050931	Trần Thảo Nhi	01/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
200	19050932	Hoàng Thị Hồng Nhung	01/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

201	19050933	Lê Trang Nhung	03/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
202	19050934	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
203	19050935	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
204	19050936	Nguyễn Thị Trang Nhung	03/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
205	19050940	Đỗ Thị Phúc	09/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
206	19050941	Nguyễn Đỗ Thiên Phúc	01/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
207	19050942	Bùi Thảo Phương	11/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
208	19050945	Phạm Hà Phương	12/28/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
209	19050947	Nguyễn Lê Đan Phương	10/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
210	19050948	Hoàng Thị Thu Quyên	07/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
211	19050949	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	08/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
212	19050950	Nguyễn Như Quỳnh	09/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
213	19050951	Nguyễn Thị Sao	08/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
214	19050952	Nguyễn Thị Thanh Thanh	08/22/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
215	19050953	Đỗ Thị Hương Thảo	06/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
216	19050954	Hán Thị Thu Thảo	07/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
217	19050955	Lê Thị Thu Thảo	05/20/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
218	19050956	Nguyễn Phương Thảo	11/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
219	19050957	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
220	19050958	Nguyễn Thị Thảo	04/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
221	19050959	Nguyễn Thị Thảo	10/07/2000	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
222	19050960	Phạm Thị Phương Thảo	08/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
223	19050961	Phạm Thị Thảo	06/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
224	19050964	Phạm Thị Thanh Thư	11/06/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
225	19050965	Phí Thị Huyền Thương	01/12/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
226	19050967	Nguyễn Thị Thúy	02/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
227	19050968	Nguyễn Thị Thùy	07/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
228	19050969	Bùi Thị Thanh Thủy	04/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
229	19050970	Nguyễn Thu Thủy	01/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
230	19050971	Phạm Nguyễn Thu Trà	04/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



231	19050972	Luyện Thị Huyền Trang	12/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
232	19050973	Nguyễn Thị Hà Trang	07/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
233	19050975	Nguyễn Thị Thùy Trang	06/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
234	19050976	Nguyễn Thùy Trang	07/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
235	19050977	Nguyễn Thùy Trang	09/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
236	19050978	Phạm Hà Trang	09/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
237	19050979	Trần Quỳnh Trang	02/28/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
238	19050980	Vũ Thị Quỳnh Trang	12/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
239	19050981	Chu Cẩm Tú	10/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
240	19050982	Trần Lê Cẩm Tú	09/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
241	19050984	Nguyễn Lê Tùng	08/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
242	19050985	Nguyễn Thị Phương Uyên	01/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
243	19050986	Diêm Thị Quỳnh Vân	07/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
244	19050987	Hoàng Lê Thảo Vy	05/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
245	19050988	Hoàng Thị Hải Yến	04/22/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
246	19050989	Lê Thị Hải Yến	06/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
247	19050994	Phạm Tuấn Anh	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
248	19050995	Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
249	19050999	Nguyễn Trang Nhung	03/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
250	20050036	Phương Dạ Thảo	06/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
251	20050054	Hà Cẩm Bình	11/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
252	20050057	Phạm Thị Quỳnh Chi	9/21/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
253	20050107	Trần Hoàng Gia Huy	07/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
254	20050108	Nghiêm Thu Huyền	10/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
255	20050170	Lê Minh Trang	07/31/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
256	20050561	Nguyễn Bình An	12/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
257	20050563	Đỗ Phương Anh	11/03/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
258	20050564	Đinh Thị Huyền Anh	10/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
259	20050565	Lê Mai Anh	01/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
260	20050566	Lê Ngọc Anh	11/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	

261	20050567	Lê Quỳnh Anh	05/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
262	20050568	Lê Thị Vân Anh	08/31/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
263	20050569	Lê Trương Thục Anh	05/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
264	20050570	Nguyễn Hà Anh	04/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
265	20050571	Nguyễn Lê Thục Anh	08/31/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
266	20050572	Nguyễn Ngọc Anh	05/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
267	20050573	Nguyễn Phương Anh	08/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
268	20050574	Nguyễn Phương Anh	05/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
269	20050575	Nguyễn Thị Diệu Anh	06/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
270	20050576	Nguyễn Thị Việt Anh	07/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
271	20050577	Phạm Thị Mai Anh	10/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
272	20050578	Phạm Trần Trâm Anh	08/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
273	20050579	Tạ Hà Anh	10/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
274	20050580	Trần Quốc Anh	01/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
275	20050581	Vũ Quỳnh Anh	04/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
276	20050582	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
277	20050583	Nguyễn Thảo Ân	09/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
278	20050584	Đặng Quốc Bảo	09/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
279	20050585	Phạm Lê Hồng Châu	09/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
280	20050586	Dương Thị Tùng Chi	12/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
281	20050587	Đào Huệ Chi	02/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
282	20050588	Đặng Quỳnh Chi	11/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
283	20050589	Nguyễn Quỳnh Chi	10/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
284	20050590	Nguyễn Thị Thuỳ Chinh	02/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
285	20050591	Nguyễn Mạnh Cường	10/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
286	20050592	Trịnh Thị Diễm	03/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
287	20050593	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	04/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
288	20050594	Phùng Thị Phương Dung	04/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
289	20050595	Vũ Thị Mỹ Dung	08/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
290	20050596	Đông Thị Thùy Dương	10/03/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

291	20050597	Nguyễn Thùy Dương	11/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
292	20050598	Nguyễn Thùy Dương	11/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
293	20050599	Phan Ngọc Đông	12/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
294	20050600	Nguyễn Hoài Đức	11/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
295	20050601	Phạm Việt Đức	10/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
296	20050602	Quách Trọng Đức	09/21/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
297	20050603	Đỗ Thu Hà	10/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
298	20050604	Đoàn Thị Thu Hà	03/29/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
299	20050605	Nguyễn Thị Hà	11/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
300	20050606	Nguyễn Thị Thu Hà	03/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
301	20050608	Trần Thị Việt Hà	02/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
302	20050609	Trần Thu Hà	08/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
303	20050610	Trần Thúy Hải	12/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
304	20050611	Ngô Đức Minh Hằng	04/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
305	20050612	Trần Diệu Hằng	07/02/2001	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
306	20050613	Nguyễn Thu Hiền	08/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
307	20050614	Trần Thị Thanh Hiền	01/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
308	20050615	Hà Trung Hiếu	02/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
309	20050616	Dương Mỹ Hoa	10/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
310	20050617	Nguyễn Thị Phương Hoa	08/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
311	20050620	Phan Mạnh Hoàng	09/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
312	20050621	Nguyễn Bích Hồng	04/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
313	20050622	Nguyễn Thị Thu Huế	08/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
314	20050623	Phạm Minh Huế	09/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
315	20050625	Nguyễn Thị Minh Huệ	07/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
316	20050626	Mao Trọng Hùng	09/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
317	20050627	Dương An Huy	09/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
318	20050629	Lê Ngọc Huyền	12/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
319	20050630	Lê Phương Huyền	10/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
320	20050631	Ngô Khánh Huyền	10/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	

321	20050632	Nguyễn Thu Huyền	12/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
322	20050633	Nguyễn Thị Hương	02/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
323	20050635	Trần Thanh Hương	11/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
324	20050636	Nguyễn Kiều Khanh	03/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
325	20050637	Lương Thúy Lan	08/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
326	20050638	Trần Thị Lan	12/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
327	20050639	Hà Tuấn Lâm	04/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	15,570,000	15,570,000	-	
328	20050640	Nguyễn Tiến Lâm	09/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
329	20050641	Hoàng Thị Lệ	01/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
330	20050642	Nguyễn Thị Phương Liên	07/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
331	20050643	Đào Phương Linh	02/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
332	20050644	Mai Diệu Linh	03/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
333	20050645	Nguyễn Phương Linh	03/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
334	20050646	Nguyễn Thị Mai Linh	10/21/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
335	20050647	Nguyễn Thị Phương Linh	05/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
336	20050648	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
337	20050649	Nguyễn Thị Thùy Linh	03/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
338	20050650	Nguyễn Thùy Linh	10/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
339	20050651	Phạm Thảo Linh	06/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
340	20050652	Trần Thuỳ Linh	10/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
341	20050653	Trương Thu Linh	02/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
342	20050654	Kiều Thảo Ly	07/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
343	20050655	Nguyễn Thị Khánh Ly	09/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
344	20050656	Trịnh Hải Ly	05/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
345	20050657	Ngô Thị Hoàng Mai	11/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
346	20050658	Phạm Thị Thanh Mai	12/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
347	20050659	Quách Hiểu Mai	11/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
348	20050660	Nguyễn Huyền My	06/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
349	20050661	Hà Phương Ngân	05/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
350	20050662	Nguyễn Thị Ngân	06/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

351	20050663	Lê Bảo Ngọc	08/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
352	20050664	Lê Thị Ngọc	05/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
353	20050665	Ngô Thị Ngọc	02/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
354	20050666	Nguyễn Thị Minh Ngọc	06/29/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
355	20050667	Phạm Bích Ngọc	07/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
356	20050669	Trần Thị Bích Ngọc	04/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
357	20050670	Vũ Thị Minh Ngọc	08/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
358	20050671	Hoàng Khánh Nguyệt	10/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
359	20050673	Phạm Thị Thu Nhài	03/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
360	20050675	Nghiêm Thị Mỹ Nhung	05/06/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
361	20050676	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/06/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
362	20050677	Nguyễn Công Phước	04/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
363	20050678	Bùi Hoài Phương	05/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
364	20050679	Nguyễn Thị Hồng Phương	07/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
365	20050680	Nguyễn Thị Phương	02/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
366	20050681	Trần Hà Phương	01/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
367	20050682	Trần Thị Thanh Phương	07/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
368	20050684	Vũ Thùy Phương	01/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
369	20050685	Đoàn Nguyễn Châu Phương	03/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
370	20050687	Trần Minh Phương	10/03/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
371	20050688	Lưu Mỹ Quyên	08/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
372	20050689	Đỗ Diệu Quỳnh	08/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
373	20050690	Đinh Xuân Quỳnh	12/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
374	20050691	Hoàng Tú Quỳnh	06/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
375	20050692	Nguyễn Thị Quỳnh	07/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
376	20050694	Đặng Thị Thanh	11/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
377	20050695	Lê Thị Thúy Thanh	09/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
378	20050696	Nguyễn Thị Phương Thanh	10/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
379	20050697	Phạm Tuấn Thành	12/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
380	20050698	Bế Phương Thảo	12/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

381	20050700	Dương Thu Thảo	11/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
382	20050701	Đặng Thị Phương Thảo	04/29/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
383	20050702	Lê Thị Thanh Thảo	12/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
384	20050703	Nguyễn Phương Thảo	11/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
385	20050704	Nguyễn Thị Thảo	09/14/2001	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
386	20050705	Nguyễn Thu Thảo	01/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
387	20050706	Phạm Thị Phương Thảo	12/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
388	20050707	Vũ Thị Thanh Thảo	10/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
389	20050708	Trần Thị Thắng	04/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
390	20050709	Đỗ Thu Thủy	09/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
391	20050710	Nguyễn Thanh Thủy	11/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
392	20050711	Nguyễn Hà Khánh Thư	11/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
393	20050712	Nguyễn Minh Thư	09/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
394	20050713	Dương Thị Thu Trà	03/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
395	20050714	Lê Thị Hương Trà	11/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
396	20050716	Hoàng Nguyễn Thu Trang	02/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
397	20050717	Hoàng Phương Trang	12/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
398	20050718	Hoàng Thị Thu Trang	02/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
399	20050720	Lê Thị Thu Trang	07/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
400	20050721	Lý Thị Trang	03/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
401	20050722	Nguyễn Đoàn Minh Trang	07/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
402	20050723	Nguyễn Huyền Trang	01/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
403	20050724	Nguyễn Thu Trang	03/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
404	20050725	Phạm Quỳnh Trang	11/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
405	20050726	Phạm Thị Thu Trang	10/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
406	20050727	Đoàn Bảo Trâm	11/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
407	20050728	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
408	20050729	Nguyễn Công Trí	10/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
409	20050730	Dương Thị Thanh Trúc	05/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
410	20050731	Trương Lê Vĩnh Tuấn	10/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

411	20050732	Nguyễn Thị Tuyết	09/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
412	20050733	Đặng Thuỳ Vân	09/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
413	20050734	Nguyễn Thị Thảo Vân	08/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
414	20050735	Phạm Thị Hồng Vân	06/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
415	20050736	Đỗ Thị Vui	09/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
416	20050737	Phạm Vũ Thảo Vy	08/04/2001	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
417	20050738	Vũ Hà Vy	07/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
418	20050739	Đỗ Hải Yến	07/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
419	20050740	Lê Thị Hải Yến	12/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa Kinh tế</b>				<i>455 sinh viên</i>				
420	19050001	Bùi Nguyệt An	12/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
421	19050003	Bùi Việt Minh Anh	10/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
422	19050004	Đào Thị Phương Anh	10/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
423	19050005	Đào Việt Anh	01/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
424	19050006	Đồng Tuấn Anh	08/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
425	19050007	Hồ Lê Minh Anh	06/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
426	19050009	Lê Ngọc Anh	12/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
427	19050010	Lương Kim Anh	03/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
428	19050011	Ngô Phương Anh	09/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
429	19050012	Ngô Thục Anh	09/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
430	19050013	Nguyễn Minh Anh	05/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
431	19050014	Nguyễn Minh Anh	12/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
432	19050015	Nguyễn Ngọc Anh	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
433	19050016	Nguyễn Phương Anh	07/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
434	19050017	Nguyễn Thái Anh	07/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
435	19050018	Nguyễn Thị Hồng Anh	09/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
436	19050019	Nguyễn Thị Vân Anh	10/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
437	19050020	Nguyễn Tuấn Anh	06/14/1999	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
438	19050021	Nguyễn Tuấn Anh	07/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
439	19050022	Nguyễn Vũ Đức Anh	01/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	

440	19050023	Phạm Hải Anh	06/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
441	19050024	Phạm Minh Anh	10/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
442	19050025	Trịnh Thị Lan Anh	01/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
443	19050026	Đinh Thị Minh Ánh	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,925,000	-	
444	19050027	Lường Thị Ánh	03/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
445	19050030	Trần Bảo Châu	03/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
446	19050031	Nguyễn Phương Chi	05/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
447	19050033	Vương Khánh Chi	06/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
448	19050034	Nguyễn Minh Chiến	08/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
449	19050035	Bùi Kiều Chinh	05/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
450	19050036	Đinh Thị Kiều Chinh	02/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
451	19050037	Nguyễn Kiều Chinh	12/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
452	19050038	Đông Thị Chuyên	12/30/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
453	19050039	Phùng Thị Hải Chuyên	10/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
454	19050040	Nguyễn Khắc Đăng	08/13/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
455	19050041	Vũ Hải Đăng	05/21/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
456	19050042	Phùng Ngọc Diệp	08/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
457	19050044	Phạm Thùy Dung	07/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
458	19050045	Đỗ Minh Dũng	05/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
459	19050048	Tạ Trí Dũng	08/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
460	19050049	Đặng Nguyên Dương	09/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
461	19050050	Phạm Thủy Dương	04/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
462	19050051	Chung Tuấn Duy	10/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
463	19050052	Nguyễn Khánh Duy	07/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
464	19050053	Phạm Hồng Duy	06/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
465	19050054	Phạm Ngọc Duy	06/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
466	19050056	Khiều Thị Mỹ Duyên	10/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
467	19050057	Bùi Thị Hoàng Giang	07/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
468	19050058	Lương Ngọc Thu Giang	01/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
469	19050060	Trần Ngọc Hương Giang	05/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



470	19050062	Vương Hồng Giang	05/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
471	19050063	Bùi Quang Hà	08/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
472	19050065	Hoàng Thu Hà	10/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
473	19050066	Nguyễn Thị Thu Hà	04/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
474	19050067	Đỗ Xuân Hải	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
475	19050069	Đặng Thị Thanh Hằng	07/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
476	19050070	Hoàng Minh Hằng	01/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
477	19050071	Lý Thị Thanh Hằng	12/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
478	19050072	Ngô Thu Hằng	01/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
479	19050074	Nguyễn Thu Hằng	08/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
480	19050075	Nguyễn Thúy Hạnh	11/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
481	19050076	Trương Hồng Hạnh	07/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
482	19050077	Trương Vân Hạnh	10/30/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
483	19050078	Lê Phúc Hậu	05/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
484	19050079	Trần Thị Hậu	10/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
485	19050080	Nguyễn Thị Thanh Hiền	03/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
486	19050081	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
487	19050082	Nguyễn Thu Hiền	11/30/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
488	19050083	Nguyễn Thu Hiền	10/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
489	19050084	Phạm Thị Hiền	08/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,490,000	17,490,000	-	
490	19050085	Trương Thị Thu Hiền	07/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
491	19050086	Nguyễn Minh Hiếu	07/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
492	19050087	Nông Minh Hiếu	04/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
493	19050088	Tô Minh Hiếu	02/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	-	
494	19050089	Trần Minh Hiếu	10/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
495	19050090	Trịnh Đức Hiếu	04/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
496	19050091	Vũ Trung Hiếu	01/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
497	19050092	Đào Thị Hoa	06/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
498	19050093	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	08/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
499	19050094	Bùi Thị Hòa	12/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

500	19050095	Lê Diên Hòa	07/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
501	19050096	Bùi Lê Minh Hoàng	03/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
502	19050097	Bùi Việt Hoàng	01/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
503	19050098	Trần Dương Hoàng	01/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
504	19050100	Nguyễn Thị Bích Hợp	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
505	19050102	Nguyễn Đức Hùng	08/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
506	19050103	Đào Thanh Hương	06/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
507	19050105	Lê Thị Linh Hương	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
508	19050106	Lê Thị Mai Hương	02/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
509	19050110	Trần Quỳnh Hương	03/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
510	19050112	Trịnh Thị Thu Hương	06/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
511	19050117	Lê Khánh Huyền	07/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
512	19050119	Nguyễn Thanh Huyền	12/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
513	19050120	Nguyễn Thị Huyền	03/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
514	19050121	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	05/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
515	19050122	Nguyễn Thị Thu Huyền	01/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
516	19050123	Nguyễn Đức Khải	10/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
517	19050124	Nguyễn Xuân Khiêm	05/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
518	19050125	Cao Đình Kiên	06/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
519	19050126	Đỗ Hữu Kiên	09/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
520	19050127	Nguyễn Xuân Kiên	08/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
521	19050128	Nguyễn Vĩnh Kỳ	01/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
522	19050129	Vũ Thị La	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
523	19050130	Trần Khánh Lâm	10/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
524	19050133	Bùi Diệu Linh	09/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
525	19050134	Đặng Phương Linh	09/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
526	19050135	Đỗ Ngọc Linh	01/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
527	19050136	Lê Huyền Linh	11/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
528	19050137	Lê Thùy Linh	12/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
529	19050138	Mã Phương Linh	10/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-

530	19050139	Nguyễn Bảo Linh	11/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
531	19050140	Nguyễn Bảo Linh	10/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
532	19050141	Nguyễn Diệp Linh	03/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
533	19050142	Nguyễn Gia Linh	11/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
534	19050143	Nguyễn Khánh Linh	10/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
535	19050144	Nguyễn Khánh Linh	10/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
536	19050145	Nguyễn Mai Linh	11/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
537	19050146	Nguyễn Thị Khánh Linh	02/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
538	19050148	Nguyễn Thị Mai Linh	08/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
539	19050149	Nguyễn Thùy Linh	10/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
540	19050151	Trần Hà Linh	08/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
541	19050152	Trịnh Thùy Linh	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
542	19050154	Vũ Hòa Linh	08/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
543	19050156	Nguyễn Bảo Long	07/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
544	19050157	Trần Thị Hiền Lương	01/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
545	19050158	Bạch Kiều Ly	10/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
546	19050160	Dương Hà Hương Ly	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
547	19050161	Ngô Khánh Ly	07/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
548	19050163	Hà Thanh Mai	02/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
549	19050164	Lê Thanh Mai	03/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
550	19050165	Nguyễn Ngọc Mai	04/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
551	19050166	Nguyễn Quỳnh Mai	04/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
552	19050167	Nguyễn Thanh Mai	07/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
553	19050168	Nguyễn Thị Xuân Mai	05/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
554	19050169	Nguyễn Xuân Mai	10/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
555	19050170	Tổng Lương Quỳnh Mai	04/03/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
556	19050171	Trịnh Thanh Mai	10/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
557	19050172	Đình Quang Mạnh	08/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
558	19050174	Đoàn Thị Minh	11/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
559	19050175	Lê Anh Minh	12/20/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

560	19050176	Lê Diệu Minh	01/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
561	19050178	Trần Toàn Minh	03/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	20,920,000	20,920,000	-	
562	19050180	Nguyễn Hoàng Hà My	10/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
563	19050182	Nguyễn Linh Nga	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
564	19050183	Hà Thị Hồng Ngân	06/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
565	19050184	Hoàng Lê Bảo Ngân	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
566	19050185	Lê Kim Ngân	01/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
567	19050186	Trần Phúc Nghĩa	10/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
568	19050187	Lê Thị Minh Ngọc	11/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
569	19050189	Nguyễn Thị Ngọc	02/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
570	19050190	Lê Thị Thảo Nguyên	08/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
571	19050191	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	12/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
572	19050192	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
573	19050193	Đỗ Thúy Nhài	12/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
574	19050194	Lê Thảo Nhi	05/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
575	19050195	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
576	19050196	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
577	19050198	Trịnh Thị Nhung	08/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
578	19050200	Đỗ Thị Kim Oanh	12/19/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
579	19050201	Nguyễn Thị Kim Oanh	06/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
580	19050202	Đặng Minh Phong	05/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
581	19050203	Tăng Đức Phong	02/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
582	19050204	Trần Anh Phong	08/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
583	19050205	Bùi Thị Thu Phương	11/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
584	19050206	Ngô Hà Phương	08/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
585	19050207	Nguyễn Hà Phương	10/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
586	19050208	Nguyễn Huệ Phương	06/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
587	19050209	Nguyễn Thanh Phương	02/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
588	19050210	Nguyễn Thị Trúc Phương	11/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
589	19050214	Vũ Duy Nguyên Phương	08/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

590	19050215	Vũ Minh Phương	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
591	19050216	Vương Thu Phương	11/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
592	19050219	Nguyễn Tuấn Quang	01/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
593	19050221	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	10/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
594	19050224	Đặng Diễm Quỳnh	08/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
595	19050225	Đoàn Thị Như Quỳnh	08/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
596	19050226	Lương Thị Thúy Quỳnh	07/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
597	19050227	Nguyễn Như Quỳnh	10/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
598	19050228	Nguyễn Thúy Quỳnh	11/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
599	19050229	Trần Thị Phương Quỳnh	05/03/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
600	19050230	Vũ Như Quỳnh	06/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
601	19050231	Bùi Giang Sơn	03/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
602	19050232	Đông Xuân Sơn	05/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
603	19050235	Trần Mạnh Tài	02/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
604	19050236	Nguyễn Linh Tâm	12/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
605	19050237	Nguyễn Minh Tân	07/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
606	19050238	Nguyễn Hà Tây	01/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
607	19050239	Nguyễn Thị Hồng Thắm	01/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
608	19050240	Trần Minh Thắng	03/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
609	19050241	Hồ Thị Kim Thanh	04/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
610	19050242	Phạm Thị Thanh Thanh	04/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
611	19050243	Lê Tiên Thành	10/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
612	19050244	Nguyễn Hữu Thành	01/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
613	19050245	Lê Phương Thảo	02/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
614	19050246	Mai Phương Thảo	11/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
615	19050247	Nguyễn Phương Thảo	06/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
616	19050248	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
617	19050249	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
618	19050250	Trần Thị Mai Thảo	04/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
619	19050253	Vũ Thị Phương Thảo	11/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

620	19050255	Nguyễn Đức Thoại	02/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
621	19050256	Lê Hà Thu	10/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
622	19050257	Nguyễn Thị Thu	02/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
623	19050258	Nguyễn Thị Thu	09/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
624	19050259	Nguyễn Thị Thanh Thu	03/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
625	19050260	Đỗ Thanh Thúy	06/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
626	19050261	Nguyễn Thị Thúy	04/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
627	19050262	Phạm Minh Thúy	04/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
628	19050263	Đặng Diễm Thùy	10/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
629	19050265	Đỗ Thuý Tiên	12/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
630	19050266	Hoàng Vũ Tín	10/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
631	19050268	Đặng Vân Trà	04/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
632	19050269	Nguyễn Hương Trà	01/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
633	19050270	Chu Huyền Trang	07/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
634	19050271	Hoàng Thị Trang	07/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
635	19050272	Lê Minh Trang	06/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
636	19050274	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
637	19050275	Phạm Thị Huyền Trang	06/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
638	19050279	Bùi Thị Lâm Trúc	11/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
639	19050280	Phùng Như Trường	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
640	19050282	Phạm Tuấn	08/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
641	19050283	Nguyễn Lê Anh Tùng	11/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
642	19050284	Lê Thị Ánh Tuyết	07/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
643	19050285	Bùi Ngọc Uyên	09/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
644	19050286	Đỗ Thị Hồng Uyên	11/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
645	19050288	Phạm Mai Uyên	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
646	19050289	Ngô Thùy Vân	11/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
647	19050291	Trần Thảo Vân	02/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
648	19050292	Chữ Thị Thảo Vi	07/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
649	19050293	Đào Thị Hà Vi	03/03/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

650	19050294	Dương Nguyễn Tường Vi	04/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
651	19050295	Vũ Minh Việt	04/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
652	19050296	Nguyễn Tô Long Vũ	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
653	19050297	Nguyễn Thị Thuận Vy	09/07/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
654	19050298	Trần Thị Thanh Xuân	12/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
655	19050299	Lê Hải Yến	01/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
656	19050308	Trần Danh Dũng	08/27/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
657	19050310	Phạm Thị Thùy Linh	09/29/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
658	20050015	Hoàng Thảo Linh	03/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
659	20050038	Nguyễn Huy Hoàng	08/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
660	20050076	Nguyễn Thùy Dương	07/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
661	20050972	Bùi Lê An	09/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
662	20050973	Nguyễn Đăng An	04/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
663	20050974	Phạm Hà Thùy An	02/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
664	20050975	Đỗ Nguyệt Anh	01/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
665	20050976	Đỗ Phương Anh	01/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
666	20050977	Đỗ Tuấn Anh	04/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
667	20050979	Hoàng Minh Đức Anh	07/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
668	20050980	Lê Hoài Anh	06/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
669	20050981	Lê Thị Kiều Anh	01/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
670	20050982	Ngô Quốc Anh	07/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
671	20050983	Nguyễn Duy Anh	04/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
672	20050984	Nguyễn Hùng Anh	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
673	20050985	Nguyễn Lâm Mỹ Anh	05/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
674	20050986	Nguyễn Phương Anh	12/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
675	20050987	Nguyễn Thị Hải Anh	02/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
676	20050988	Nguyễn Trần Phương Anh	07/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
677	20050989	Nguyễn Trung Anh	05/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
678	20050990	Nguyễn Tuấn Anh	08/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
679	20050991	Nguyễn Văn Anh	09/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

680	20050992	Nguyễn Việt Anh	03/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
681	20050993	Ninh Thị Lan Anh	07/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
682	20050994	Phạm Kim Anh	06/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
683	20050995	Phạm Ngọc Anh	08/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
684	20050996	Vũ Ngọc Anh	08/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
685	20050997	Đoàn Thị Ngọc Ánh	10/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
686	20050998	Hoàng Thị Ánh	02/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
687	20050999	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
688	20051000	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
689	20051001	Phạm Minh Ánh	09/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
690	20051002	Ngô Thị Ngọc Bích	01/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
691	20051003	Nguyễn Thị Hải Bình	03/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
692	20051004	Nguyễn Văn Cao	08/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
693	20051005	Kiều Phương Châm	02/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
694	20051006	Nguyễn Minh Châu	08/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
695	20051007	Chu Linh Chi	03/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
696	20051008	Hoàng Thị Phương Chi	12/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
697	20051009	Lê Phương Chi	02/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
698	20051010	Nguyễn Hà Chi	11/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
699	20051011	Trần Thị Kim Chi	06/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
700	20051012	Nguyễn Thị Cúc	01/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
701	20051013	Kiều Đức Cường	08/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
702	20051014	Nguyễn Mạnh Cường	05/25/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
703	20051015	Phạm Thị Diễm	05/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
704	20051016	Tống Thị Diễm	09/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
705	20051017	Đỗ Thị Thùy Dung	10/20/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
706	20051018	Nguyễn Lê Dung	01/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
707	20051019	Kim Đức Dũng	01/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
708	20051021	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	04/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
709	20051022	Đỗ Tùng Dương	12/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



710	20051023	Nguyễn Công Dương	01/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
711	20051024	Nguyễn Thị Dương	04/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
712	20051025	Phan Thủy Dương	11/12/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
713	20051026	Nguyễn Tiến Đạt	03/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
714	20051027	Nguyễn Tiến Đạt	06/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
715	20051028	Vũ Công Đạt	07/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
716	20051029	Nguyễn Trọng Hải Đăng	11/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
717	20051030	Vũ Hoàng Định	09/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
718	20051031	Dương Văn Đức	01/20/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
719	20051032	Lê Hà Minh Đức	10/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
720	20051033	Trần Tuấn Đức	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
721	20051036	Lê Thị Hà	02/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
722	20051037	Nguyễn Thu Hà	03/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
723	20051038	Nguyễn Thu Hà	08/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
724	20051039	Nguyễn Thu Hà	11/13/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
725	20051040	Ngô Thị Hạ	12/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
726	20051041	Đào Trung Hải	10/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
727	20051042	Vũ Thị Hồng Hạnh	05/01/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
728	20051043	Diêm Thị Hằng	09/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
729	20051045	Đặng Nữ Ngọc Hân	11/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
730	20051046	Nguyễn Thu Hiền	05/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
731	20051047	Nguyễn Minh Hiền	05/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
732	20051049	Lê Minh Hiệp	04/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
733	20051051	Lại Minh Hiếu	06/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
734	20051052	Nguyễn Đỗ Phương Hoa	02/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
735	20051053	Nguyễn Ngọc Hoa	12/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
736	20051054	Dương Việt Hoàng	08/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
737	20051056	Nguyễn Việt Hoàng	01/20/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
738	20051057	Trần Việt Hoàng	03/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
739	20051058	Ngô Xuân Hùng	02/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

740	20051059	Nguyễn Tuấn Hùng	01/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
741	20051060	Kiều Quang Huy	04/06/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
742	20051061	Lê Quang Huy	11/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
743	20051062	Phí Anh Huy	02/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
744	20051063	Bùi Thu Huyền	08/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
745	20051064	Đoàn Thu Huyền	04/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
746	20051066	Phạm Thị Thanh Huyền	10/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
747	20051067	Trần Khánh Huyền	12/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
748	20051068	Nguyễn Quốc Hưng	06/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
749	20051069	Nguyễn Quốc Hưng	12/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
750	20051070	Trần Thái Hưng	09/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
751	20051071	Hoàng Thu Hương	12/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
752	20051072	Nguyễn Lan Hương	08/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
753	20051075	Trần Thị Mai Hương	08/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
754	20051076	Trần Thị Mai Khanh	08/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
755	20051078	Nguyễn Nam Khánh	11/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
756	20051079	Trần Duy Khánh	12/02/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
757	20051080	Trần Như Trung Kiên	06/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
758	20051081	Trần Thị Ngọc Lan	04/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
759	20051082	Đỗ Thị Lâm	02/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
760	20051083	Trần Bảo Lâm	07/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
761	20051084	Đoàn Khánh Linh	01/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
762	20051085	Nguyễn Hoàng Linh	04/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
763	20051086	Nguyễn Thị Hà Linh	10/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
764	20051087	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
765	20051088	Nguyễn Yên Linh	08/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
766	20051089	Phan Thị Phương Linh	05/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
767	20051090	Phạm Thùy Linh	12/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
768	20051091	Ngô Hoàng Long	10/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
769	20051092	Ninh Hải Long	12/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

770	20051093	Bùi Hiểu Ly	10/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
771	20051094	Lưu Thị Ngọc Ly	05/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
772	20051095	Nguyễn Khánh Ly	01/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
773	20051096	Chu Phương Mai	07/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
774	20051097	Ngô Phương Mai	01/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
775	20051098	Phạm Thị Ngọc Mai	01/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
776	20051099	Lưu Đức Mạnh	12/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
777	20051100	Nguyễn Lê Hoàng Minh	10/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
778	20051102	Tạ Hà My	09/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
779	20051103	Đỗ Phương Nga	01/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
780	20051104	Đinh Thị Quỳnh Nga	11/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
781	20051105	Lê Quỳnh Nga	03/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
782	20051106	Nguyễn Thị Nga	03/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
783	20051107	Nguyễn Thị Thúy Nga	12/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
784	20051108	Nguyễn Thanh Nga	04/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
785	20051109	Ngô Thị Ngân	12/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
786	20051110	Phạm Thúy Ngân	07/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
787	20051111	Nguyễn Thị Ngoan	12/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
788	20051112	Cánh Thị Hồng Ngọc	02/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
789	20051113	Lê Thị Minh Ngọc	08/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
790	20051114	Vũ Thị Bảo Ngọc	10/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
791	20051115	Dương Kỳ Thảo Nguyên	12/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
792	20051116	Phạm Thảo Nguyên	11/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
793	20051117	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
794	20051118	Mạc Yên Nhi	01/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
795	20051119	Nguyễn Tuyết Nhi	08/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
796	20051120	Vũ Hoàng Phương Nhi	11/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
797	20051121	Lê Thị Nhung	11/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
798	20051122	Nguyễn Thị Nhung	02/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
799	20051123	Nguyễn Thị Thùy Nhung	03/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

800	20051125	Lê Hoàng Phong	08/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
801	20051126	Nguyễn Thế Phong	10/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
802	20051127	Đỗ Văn Phúc	04/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
803	20051128	Nguyễn Chí Phúc	09/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
804	20051129	Nguyễn Hữu Phước	06/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
805	20051130	Chữ Hà Phương	08/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
806	20051131	Đỗ Nguyên Phương	02/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
807	20051132	Đặng Thu Phương	08/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
808	20051133	Nguyễn Anh Phương	11/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
809	20051134	Trần Thị Phương	06/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
810	20051135	Vũ Thu Phương	02/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
811	20051136	Nguyễn Đăng Quang	07/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
812	20051139	Đinh Thị Diễm Quỳnh	08/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
813	20051140	Lê Thúy Quỳnh	09/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
814	20051141	Mai Nguyễn Diệp Quỳnh	11/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
815	20051142	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
816	20051143	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	12/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
817	20051144	Phạm Thị Như Quỳnh	08/12/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
818	20051145	Phạm Thị Quỳnh	01/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
819	20051146	Phùng Thị Như Quỳnh	01/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
820	20051147	Nguyễn Thị Sơn	03/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
821	20051148	Đào Trần Việt Sơn	08/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
822	20051149	Lại Anh Sơn	07/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
823	20051150	Nguyễn Mạnh Sơn	11/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
824	20051151	Vũ Cao Sơn	10/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
825	20051152	Nguyễn Thị Mai Sương	07/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
826	20051153	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
827	20051154	Trần Thanh Tâm	06/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
828	20051155	Đào Duy Thành	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
829	20051157	Nguyễn Phương Thảo	01/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

830	20051158	Nguyễn Phương Thảo	06/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
831	20051159	Nguyễn Phương Thảo	10/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
832	20051160	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
833	20051161	Trần Thanh Thảo	07/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,925,000	-	
834	20051162	Nguyễn Thị Hồng Thắm	11/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
835	20051163	Nguyễn Đức Thắng	11/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
836	20051164	Nguyễn Xuân Thắng	10/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
837	20051165	Lê Thị Thu	09/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
838	20051166	Nguyễn Thị Thu	11/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
839	20051167	Trần Hà Thu	02/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
840	20051169	Nguyễn Thị Thu Thủy	06/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
841	20051170	Dương Thị Mai Thùy	05/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
842	20051171	Trần Thị Thanh Thủy	01/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
843	20051172	Ngô Anh Thư	12/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
844	20051173	Phạm Anh Thư	12/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
845	20051174	Trương Mậu Thư	07/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
846	20051175	Đào Quyết Tiến	09/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
847	20051176	Bùi Hương Trà	10/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
848	20051177	Nguyễn Thị Hương Trà	06/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
849	20051178	Nguyễn Thị Thu Trà	11/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
850	20051179	Bùi Thị Huyền Trang	04/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
851	20051180	Đỗ Thùy Trang	08/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
852	20051181	Đào Thùy Trang	11/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
853	20051182	Đinh Thị Trang	10/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
854	20051183	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	06/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
855	20051184	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
856	20051185	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	12/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
857	20051186	Nguyễn Thùy Trang	12/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
858	20051187	Vũ Thị Quỳnh Trang	11/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
859	20051188	Hoàng Thanh Trúc	07/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

860	20051189	Nguyễn Thanh Trúc	08/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
861	20051190	Phạm Anh Tú	08/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
862	20051191	Vũ Thị Cẩm Tú	05/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
863	20051192	Lê Bá Tuấn	06/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
864	20051193	Lê Thanh Tùng	05/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
865	20051194	Nguyễn Duy Tùng	12/12/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
866	20051195	Nguyễn Đức Tùng	11/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
867	20051196	Đinh Thị Tuyết	07/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
868	20051197	Nguyễn Thị Tố Uyên	08/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
869	20051199	Đỗ Khánh Vân	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
870	20051200	Nguyễn Lê Yên Vi	09/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
871	20051201	Phạm Đức Việt	10/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
872	20051202	Ngô Thị Thanh Xuân	10/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
873	20051203	Trương Thị Thanh Xuân	02/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
874	20051204	Vũ Thị Bảo Yến	04/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa KTPT</b>				<i>161 sinh viên</i>				
875	20050141	Nguyễn Thị Ngân	03/11/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
876	20051207	Đặng Châu Anh	12/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
877	20051209	Hoàng Diệu Anh	04/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
878	20051210	Lê Thuỳ Anh	08/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
879	20051211	Nguyễn Quỳnh Anh	01/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
880	20051212	Nguyễn Thảo Anh	10/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
881	20051213	Nguyễn Thu Anh	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
882	20051214	Nguyễn Trúc Mai Anh	01/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
883	20051215	Nguyễn Tường Anh	12/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
884	20051216	Phạm Minh Anh	09/14/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
885	20051217	Phạm Trung Anh	08/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
886	20051218	Phùng Thị Kim Anh	01/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
887	20051219	Trần Thị Phương Anh	12/31/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
888	20051220	Trần Thị Quỳnh Anh	01/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

889	20051221	Trần Văn Anh	06/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
890	20051222	Trần Vũ Quỳnh Anh	05/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
891	20051223	Vi Minh Anh	08/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
892	20051224	Vũ Ngọc Anh	03/28/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
893	20051225	Lê Việt Bách	07/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
894	20051226	Mai Đình Bình	01/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
895	20051228	Ngô Lan Chi	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
896	20051230	Tạ Minh Chi	08/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
897	20051232	Hà Thị Kiều Diễm	02/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
898	20051234	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	07/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
899	20051235	Nguyễn Quốc Dũng	11/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
900	20051236	Nguyễn Tuấn Dũng	09/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
901	20051237	Tống Văn Dũng	01/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
902	20051238	Đỗ Lê Duy	12/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
903	20051239	Đặng Thái Duy	07/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
904	20051241	Hoàng Thị Duyên	10/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
905	20051242	Lương Bình Dương	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
906	20051243	Vũ Thị Bích Dương	11/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
907	20051244	Cao Danh Tiến Đạt	02/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
908	20051246	Nguyễn Thành Đạt	02/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
909	20051247	Nguyễn Thị Minh Đức	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
910	20051248	Đỗ Hương Giang	08/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
911	20051249	Lê Thị Hương Giang	12/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
912	20051250	Ngô Hoàng Giang	04/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
913	20051251	Nguyễn Thị Hương Giang	07/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
914	20051252	Nguyễn Thị Thu Giang	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
915	20051253	Đỗ Thị Thu Hà	08/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
916	20051254	Lê Thu Hà	12/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
917	20051255	Ngô Ngọc Hà	08/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
918	20051256	Nguyễn Thị Hoàng Hà	09/13/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

919	20051257	Nguyễn Thu Hà	11/02/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
920	20051258	Trần Thu Hà	03/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
921	20051259	Lê Hồng Hạnh	06/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
922	20051260	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	03/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
923	20051261	Phan Thị Hạnh	02/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
924	20051263	Bùi Thị Hào	06/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
925	20051264	Nguyễn Thị Hào	08/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
926	20051265	Phí Thị Hào	12/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
927	20051266	Nguyễn Thị Thúy Hằng	08/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
928	20051267	Lê Thu Hiền	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
929	20051268	Hoàng Xuân Hiếu	05/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
930	20051269	Nguyễn Trung Hiếu	03/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
931	20051270	Đỗ Thị Thu Hoài	05/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
932	20051271	Nguyễn Thị Hoài	11/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
933	20051272	Trần Thế Hoàng	10/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
934	20051273	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	02/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
935	20051274	Phạm Thị Hồng Huệ	07/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
936	20051275	Phạm Quang Huy	04/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
937	20051276	Bùi Thị Khánh Huyền	11/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
938	20051277	Bùi Thị Thu Huyền	08/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
939	20051278	Lại Thị Huyền	08/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
940	20051280	Nguyễn Thị Huyền	04/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
941	20051281	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
942	20051282	Nguyễn Thị Mai Hương	08/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
943	20051283	Nguyễn Thị Sông Hương	10/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
944	20051284	Phạm Mai Hương	01/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
945	20051285	Phạm Thiên Hương	05/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
946	20051286	Nguyễn Thị Thúy Hường	05/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
947	20051287	Ngô Trung Kiên	10/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
948	20051288	Đinh Thanh Lam	10/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



949	20051289	Nguyễn Trọng Lâm	01/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
950	20051290	Nguyễn Tùng Lâm	01/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
951	20051292	Mai Thị Khánh Linh	11/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
952	20051293	Nguyễn Diệu Linh	09/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
953	20051294	Nguyễn Phương Linh	11/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
954	20051296	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
955	20051297	Nguyễn Thùy Linh	06/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
956	20051299	Phạm Thị Mỹ Linh	11/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
957	20051300	Vũ Hạnh Linh	12/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
958	20051301	Vũ Thị Thủy Linh	02/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
959	20051303	Không Phương Mai	08/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
960	20051304	Đỗ Kiều Minh	05/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
961	20051305	Phạm Nhật Minh	06/29/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
962	20051306	Trần Hà My	11/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
963	20051307	Trần Thị Trà My	02/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
964	20051308	Nguyễn Đức Nam	03/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
965	20051309	Nguyễn Hải Nam	10/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
966	20051310	Nguyễn Phương Nam	10/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
967	20051311	Nông Trung Nam	10/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
968	20051312	Dương Quỳnh Nga	10/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
969	20051313	Đỗ Thanh Nga	11/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
970	20051314	Lê Thị Phương Nga	02/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
971	20051315	Hà Thị Khánh Ngân	12/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
972	20051316	Nguyễn Thị Phương Ngân	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
973	20051317	Nguyễn Trịnh Kiều Ngân	08/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
974	20051318	Phạm Thanh Ngân	05/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
975	20051321	Lê Hồng Ngọc	07/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
976	20051322	Nguyễn Hồng Ngọc	12/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
977	20051323	Nguyễn Lê Vân Ngọc	11/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
978	20051324	Thân Thị Hoài Ngọc	07/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

979	20051325	Trần Thị Minh Ngọc	02/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
980	20051326	Vũ Như Ngọc	11/05/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
981	20051327	Võ Bùi Khôi Nguyên	11/29/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
982	20051328	Nguyễn Diệp Nhi	06/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
983	20051330	Phạm Thị Nhung	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
984	20051331	Đỗ Thị Quỳnh Như	02/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
985	20051334	Nguyễn Mai Phương	12/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
986	20051335	Nguyễn Thùy Phương	12/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
987	20051336	Phạm Thu Phương	02/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
988	20051339	Hồ Đắc Quang	10/12/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
989	20051340	Nguyễn Hữu Quang	01/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
990	20051342	Phạm Anh Quân	10/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
991	20051343	Trịnh Minh Quân	09/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
992	20051344	Lưu Thị Quỳnh	01/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
993	20051345	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	10/06/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
994	20051346	Nguyễn Thúy Quỳnh	12/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
995	20051348	Vũ Thị Quỳnh	01/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
996	20051349	Nguyễn Quang Thành	07/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
997	20051350	Lê Phương Thảo	01/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
998	20051351	Lê Thị Nhật Thảo	03/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
999	20051352	Nghiêm Thu Thảo	04/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1000	20051353	Nguyễn Phương Thảo	07/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1001	20051354	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1002	20051355	Nguyễn Thanh Thảo	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1003	20051356	Phùng Thị Nguyên Thảo	05/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1004	20051357	Tạ Thị Thảo	06/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1005	20051358	Trần Kiều Phương Thảo	12/05/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1006	20051359	Trần Phương Thảo	08/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1007	20051360	Xa Thị Diệu Thảo	07/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1008	20051361	Lê Hữu Thắng	09/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1009	20051362	Lê Văn Thắng	01/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1010	20051363	Nguyễn Xuân Thịnh	09/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1011	20051364	Dương Hoài Thu	11/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1012	20051365	Trịnh Minh Thuận	11/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1013	20051366	Nguyễn Thanh Thủy	11/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1014	20051367	Nguyễn Thu Thủy	11/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1015	20051368	Mai Diễm Ngọc Thúy	08/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1016	20051369	Đặng Minh Thư	11/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1017	20051370	Phạm Thị Thương	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
1018	20051371	Hoàng Văn Trà	10/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1019	20051372	Hà Phương Trang	05/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1020	20051373	Khúc Thị Hà Trang	10/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1021	20051374	Nguyễn Thị Thủy Trang	08/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1022	20051375	Nguyễn Thu Trang	04/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1023	20051376	Đỗ Thị Ngọc Trâm	02/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1024	20051377	Đặng Thị Ngọc Trâm	09/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1025	20051378	Đoàn Xuân Trúc	11/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1026	20051380	Trần Thị Thanh Trúc	07/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1027	20051384	Cao Việt Tùng	05/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1028	20051385	Nguyễn Minh Tùng	07/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1029	20051386	Nguyễn Việt Tùng	03/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1030	20051387	Vũ Hà Uyên	03/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1031	20051389	Trần Thị Kiều Vân	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1032	20051390	Trần Tuấn Việt	09/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1033	20051393	Lê Thị Hải Yến	10/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1034	20051394	Ma Thị Hải Yến	03/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1035	20051395	Nguyễn Thị Hải Yến	08/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa KTQT</b>				<i>843 sinh viên</i>				
1036	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	1,125,000	1,125,000	-	
1037	16050815	Lê Hoa Thiên Thảo	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	16,705,000	16,705,000	-	

1038	16050835	Lương Thị Thanh Tú	06/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	8,995,000	8,995,000	-	
1039	16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	5,130,000	5,130,000	-	
1040	16052375	Nguyễn Thị Thu Uyên	02/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	3,855,000	3,855,000	-	
1041	17050543	Nguyễn Thị Diễm Anh	01/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1042	17050545	Đinh Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1043	17050546	Nguyễn Thị Kim Anh	06/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1044	17050547	Hà Thị Lan Anh	01/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1045	17050548	Đặng Minh Anh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1046	17050549	Nguyễn Minh Anh	12/02/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1047	17050552	Phạm Quỳnh Anh	12/10/1997	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1048	17050553	Phạm Quỳnh Anh	03/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1049	17050554	Bùi Thị Anh	09/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1050	17050555	Hoàng Thu Anh	02/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1051	17050557	Trần Tùng Anh	01/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,640,000	19,640,000	-	
1052	17050558	Lê Thị Vân Anh	07/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1053	17050560	Nguyễn Thị Minh Ánh	04/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1054	17050561	Đỗ Thị Ngọc Ánh	03/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1055	17050562	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1056	17050563	Vũ Thị Ánh	02/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1057	17050564	Nguyễn Xuân Bách	02/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	24,985,000	24,985,000	-	
1058	17050565	Vũ Ngọc Bảo	06/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1059	17050566	Nguyễn Minh Châu	04/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1060	17050568	Nguyễn Ngọc Linh Chi	12/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1061	17050569	Trần Bích Diệp	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1062	17050570	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1063	17050571	Vũ Thúy Dung	07/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	-	
1064	17050575	Phạm Anh Đức	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1065	17050577	Lê Vương Hà	06/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1066	17050578	Trịnh Thái Hà	08/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1067	17050581	Trần Lam Hải	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1068	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1069	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1070	17050585	Vương Thu Hằng	03/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1071	17050586	Lê Thị Thanh Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1072	17050587	Đông Thị Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1073	17050589	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1074	17050590	Trần Mỹ Hoa	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1075	17050591	Vũ Thị Thu Hòa	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1076	17050593	Nguyễn Lê Huy Hoàng	11/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1077	17050596	Bùi Mạnh Hùng	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1078	17050597	Nguyễn Quang Huy	11/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1079	17050598	Phạm Quang Huy	03/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1080	17050599	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1081	17050600	Chu Thị Huyền	10/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1082	17050602	Trần Mậu Hưng	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1083	17050605	Lê Thu Hương	09/30/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1084	17050607	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/25/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1085	17050609	Phùng Thị Lê	11/08/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1086	17050612	Nguyễn Lương Khánh Linh	09/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1087	17050613	Ngô Phương Linh	09/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1088	17050614	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1089	17050615	Trần Thủy Linh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1090	17050617	Nguyễn Thị Hải Lý	09/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1091	17050618	Dương Huyền Mai	02/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1092	17050621	Nguyễn Ngọc Hà My	12/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	-	
1093	17050623	Đặng Xuân Nam	08/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,125,000	20,125,000	-	
1094	17050624	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/31/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1095	17050625	Lê Hoàng Ngân	05/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1096	17050626	Đặng Thị Ngân	08/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1097	17050627	Vũ Đức Nghĩa	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	22,905,000	22,905,000	-	

1098	17050629	Đỗ Minh Ngọc	09/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1099	17050631	Bùi Thị Ngọc	04/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1100	17050632	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	02/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1101	17050633	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1102	17050634	Hoàng Đức Ninh	12/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1103	17050636	Nguyễn Công Diệu Phương	01/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1104	17050637	Vũ Thu Phương	11/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1105	17050638	Cao Thị Quế	08/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1106	17050639	Đào Diễm Quỳnh	07/07/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1107	17050640	Vũ Ngọc Quỳnh	04/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1108	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1109	17050645	Nguyễn Phương Thảo	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1110	17050647	Nguyễn Thị Thu Trà	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1111	17050651	Nguyễn Thị Trang	11/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1112	17050653	Đinh Hoàng Trung	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	32,275,000	32,275,000	-	
1113	17050655	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1114	17050658	Vũ Hồng Tươi	12/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1115	17050659	Bùi Cẩm Vân	01/18/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1116	18050377	Bùi Vân Anh	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1117	18050379	Đỗ Phương Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1118	18050380	Đỗ Tuấn Anh	10/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1119	18050381	Hồ Thiên Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1120	18050385	Lê Vũ Thị Vân Anh	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1121	18050388	Nguyễn Quỳnh Anh	03/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1122	18050389	Nguyễn Thế Anh	01/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1123	18050390	Nguyễn Thị Lâm Anh	01/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1124	18050391	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1125	18050392	Nguyễn Trần Huệ Anh	06/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1126	18050393	Phạm Hoàng Anh	02/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	19,640,000	19,640,000	-	
1127	18050394	Phạm Phương Anh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1128	18050395	Tạ Thị Vân Anh	11/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1129	18050396	Thân Thị Vân Anh	04/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1130	18050397	Trần Đặng Kiều Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1131	18050398	Trần Hồng Anh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1132	18050399	Trần Ngọc Anh	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1133	18050400	Trần Thị Kim Anh	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1134	18050401	Vũ Hải Anh	10/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1135	18050402	Vũ Thị Lan Anh	09/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1136	18050404	Lê Ngọc Ánh	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1137	18050405	Ngô Nhật Ánh	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1138	18050406	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1139	18050407	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1140	18050408	Trần Thị Ngọc Ánh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1141	18050409	Trịnh Thị Ngọc Ánh	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1142	18050410	Vũ Thị Bắc	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1143	18050411	Nguyễn Thanh Bình	07/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1144	18050412	Trần Quốc Bình	12/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1145	18050413	Vũ Thị Quỳnh Châm	03/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1146	18050414	Nguyễn Minh Châu	12/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1147	18050416	Trương Thị Khánh Chi	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	-	
1148	18050417	Nguyễn Hữu Chuyên	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1149	18050419	Nguyễn Nam Đan	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1150	18050420	Phạm Anh Đào	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1151	18050422	Trần Hoàng Đạt	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1152	18050423	Bùi Thị Diệu	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1153	18050426	Nghiêm Phan Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1154	18050427	Vũ Công Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1155	18050428	Lê Thùy Dung	09/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	17,500,000	-	
1156	18050429	Đỗ Quang Dũng	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,190,000	21,190,000	-	
1157	18050430	Lê Huy Dũng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1158	18050431	Nguyễn Anh Dũng	05/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1159	18050433	Nguyễn Minh Hoàng Dũng	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1160	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1161	18050435	Đoàn Bình Dương	02/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1162	18050436	Ngô Thùy Dương	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1163	18050437	Nguyễn Thùy Dương	09/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1164	18050438	Trần Hoàng Thái Dương	05/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1165	18050440	Nguyễn Thị Hương Giang	10/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1166	18050442	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1167	18050443	Nguyễn Thị Thu Hà	12/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1168	18050444	Trần Thị Thu Hà	10/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1169	18050445	Đỗ Ngọc Hân	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1170	18050446	Bùi Thị Hằng	03/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1171	18050447	Phạm Thị Thu Hằng	07/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
1172	18050448	Trịnh Minh Hằng	02/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1173	18050449	Trương Thị Hằng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1174	18050451	Lâm Thị Thúy Hạnh	08/31/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1175	18050452	Lê Thị Hạnh	06/23/1998	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1176	18050455	Nguyễn Thanh Hậu	05/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1177	18050456	Trần Thu Hiền	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1178	18050457	Đinh Lê Công Hiếu	02/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1179	18050459	Lê Trung Hiếu	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1180	18050460	Đặng Huy Hiệu	09/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1181	18050461	Nguyễn Khánh Hòa	08/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1182	18050464	Hoàng Mai Hồng	05/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1183	18050465	Nguyễn Ánh Hồng	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1184	18050466	Phan Thu Huệ	07/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1185	18050467	Đỗ Duy Hùng	09/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1186	18050468	Đỗ Văn Hùng	09/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1187	18050469	Nguyễn Cao Việt Hưng	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



1188	18050470	Nguy Thị Hương	04/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1189	18050472	Nguyễn Thị Hương	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1190	18050473	Phạm Thị Hương	02/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1191	18050475	Trần Hoài Hương	07/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1192	18050477	Nguyễn Thị Thu Hương	11/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1193	18050478	Mai Hoàng Huy	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1194	18050479	Nguyễn Quốc Huy	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1195	18050480	Trương Cảnh Huy	08/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1196	18050481	Lê Thị Thu Huyền	02/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1197	18050482	Lưu Thị Huyền	01/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1198	18050483	Phạm Thị Thanh Huyền	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1199	18050484	Trần Thị Huyền	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1200	18050485	Nguyễn Thụy Khanh	08/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1201	18050486	Lê Từ Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1202	18050487	Nguyễn Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1203	18050488	Trần Đình Khiêm	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1204	18050489	Trương Trần Minh Khôi	03/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1205	18050491	Vũ Phạm Đại Lâm	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1206	18050492	Vũ Trần Phương Lan	09/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1207	18050493	Vương Vũ Ngọc Liên	10/29/2001	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1208	18050494	Dương Thùy Linh	07/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1209	18050495	Hoàng Vũ Linh	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1210	18050496	Lê Khánh Linh	05/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1211	18050497	Nguyễn Bảo Linh	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1212	18050498	Nguyễn Khánh Linh	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1213	18050500	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1214	18050501	Phạm Thị Mai Linh	10/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1215	18050502	Phạm Thị Thùy Linh	11/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1216	18050503	Tô Khánh Linh	11/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1217	18050504	Trần Diệu Linh	04/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1218	18050507	Trần Thùy Linh	03/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1219	18050508	Trịnh Vũ Vi Linh	10/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1220	18050509	Vũ Thùy Linh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1221	18050510	Dương Thị Thanh Loan	03/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1222	18050511	Đỗ Minh Long	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1223	18050512	Doãn Bảo Long	04/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1224	18050513	Nguyễn Hoàng Long	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1225	18050514	Nguyễn Minh Long	07/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1226	18050515	Nguyễn Thảo Ly	02/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1227	18050516	Nguyễn Thị Phương Ly	08/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1228	18050517	Phạm Thị Khánh Ly	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1229	18050518	Trần Hương Ly	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1230	18050522	Trần Đức Mạnh	11/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1231	18050523	Trần Đức Mạnh	08/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1232	18050524	Nguyễn Thế Minh	12/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1233	18050525	Trần Hoàng Minh	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1234	18050526	Vũ Thị Nhật Minh	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1235	18050527	Bùi Trà My	07/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1236	18050529	Trần Thị Ngọc Mỹ	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1237	18050531	Nguyễn Hằng Nga	10/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1238	18050532	Nguyễn Thị Ngà	01/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1239	18050534	Lê Tuấn Ngọc	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1240	18050536	Nguyễn Thủy Ngọc	09/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1241	18050537	Lê Bảo Nguyên	06/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1242	18050538	Ngô Anh Nguyên	12/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1243	18050539	Hoàng Thị Nguyệt	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1244	18050542	Cung Trang Nhung	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1245	18050543	Lưu Thị Hồng Nhung	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1246	18050544	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1247	18050546	Vũ Thị Hồng Nhung	12/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1248	18050547	Bùi Phạm Tiến Phong	04/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1249	18050549	Đặng Mai Phương	12/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	20,125,000	20,125,000	-	
1250	18050550	Nguyễn Đỗ Thu Phương	08/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1251	18050551	Nguyễn Lan Phương	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1252	18050552	Nguyễn Minh Phương	11/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1253	18050554	Nguyễn Nhật Phương	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1254	18050556	Nguyễn Thị Phương	11/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1255	18050557	Phạm Lê Hà Phương	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1256	18050560	Nguyễn Đức Quang	03/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1257	18050561	Nguyễn Thiện Quang	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1258	18050562	Nguyễn Thị Lệ Quyên	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1259	18050563	Dương Ngọc Quỳnh	10/24/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1260	18050564	Nguyễn Hải Quỳnh	05/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	-	
1261	18050565	Vũ Thị Quỳnh	06/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1262	18050566	Trịnh Anh Sơn	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1263	18050567	Lê Khánh Tâm	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1264	18050568	Thang Thị Tâm	07/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1265	18050569	Phạm Ngọc Tân	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1266	18050570	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1267	18050572	Bùi Phương Thảo	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1268	18050573	Bùi Thanh Thảo	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1269	18050574	Đỗ Phương Thảo	05/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1270	18050575	Hoàng Phương Thảo	12/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1271	18050577	Lê Minh Thảo	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1272	18050578	Lê Phương Thảo	04/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1273	18050579	Lê Thị Thảo	07/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1274	18050580	Nguyễn Phương Thảo	03/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1275	18050581	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1276	18050582	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1277	18050583	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1278	18050584	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1279	18050585	Phạm Thương Thảo	08/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
1280	18050586	Trần Phương Thảo	07/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1281	18050587	Trần Thị Thu Thảo	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1282	18050588	Vũ Phương Thảo	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1283	18050589	Vũ Thị Phương Thảo	07/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1284	18050590	Vũ Quốc Thịnh	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1285	18050591	Nguyễn Minh Thu	12/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1286	18050592	Phạm Thị Thu	03/08/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1287	18050593	Lê Thị Thùy	04/15/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1288	18050594	Hoàng Thị Thu Thủy	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1289	18050595	Lưu Thị Thu Thủy	03/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1290	18050596	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1291	18050597	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	01/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1292	18050598	Trần Thủy Tiên	03/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1293	18050599	Lữ Huyền Trâm	09/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1294	18050601	Trương Thị Trâm	02/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1295	18050602	Đỗ Thị Trang	05/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1296	18050603	Lê Huyền Trang	11/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1297	18050605	Nguyễn Phương Trang	08/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1298	18050606	Nguyễn Quỳnh Trang	06/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1299	18050607	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1300	18050609	Nguyễn Thiên Hạnh Trang	06/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1301	18050611	Nguyễn Thu Trang	03/04/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1302	18050612	Phạm Huyền Trang	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1303	18050613	Phạm Thị Huyền Trang	12/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1304	18050614	Phạm Thu Trang	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1305	18050616	Nguyễn Công Tú	05/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1306	18050619	Phan Hoàng Tùng	04/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1307	18050620	Vương Thị Kim Tuyến	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1308	18050621	Nguyễn Thị Tuyết	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1309	18050623	Đỗ Thị Thuý Vân	01/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1310	18050627	Hoàng Hà Vi	04/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1311	18050628	Trương Diễm Trang Vi	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1312	18050629	Vi Hải Việt	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1313	18050633	Chu Thị Thu Xanh	06/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1314	18050635	Nguyễn Thị Hải Yến	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1315	18050636	Nguyễn Thị Hải Yến	06/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1316	18050637	Phan Hải Yến	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1317	18050638	Phùng Thị Thảo Yến	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1318	18050639	Vũ Hải Yến	08/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1319	19051008	Hà Duy An	11/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1320	19051010	Đào Thị Mỹ Anh	04/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1321	19051011	Dương Thị Ngọc Anh	03/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1322	19051013	Lâm Kim Anh	03/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1323	19051014	Lê Thị Mai Anh	08/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1324	19051015	Nguyễn Minh Anh	08/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1325	19051016	Nguyễn Ngọc Hà Anh	12/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1326	19051017	Nguyễn Quỳnh Anh	12/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1327	19051018	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1328	19051019	Nguyễn Thị Vân Anh	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1329	19051021	Phạm Việt Anh	11/23/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1330	19051022	Trần Phương Anh	10/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1331	19051023	Trương Quỳnh Diệp Anh	08/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1332	19051024	Vũ Thị Ngọc Anh	11/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1333	19051025	Đỗ Thị Ngọc Ánh	10/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1334	19051026	Hà Thị Ngọc Ánh	03/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1335	19051027	Lê Thị Hồng Ánh	05/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1336	19051028	Nguyễn Thị Hoàng Ánh	04/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1337	19051029	Nguyễn Thị Linh Ánh	11/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1338	19051030	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1339	19051031	Phạm Xuân Ánh	10/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	17,500,000	-	
1340	19051032	Nguyễn Thái Bình	03/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1341	19051033	Sầm Phạm An Bình	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1342	19051034	Trương Quý Thanh Bình	11/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1343	19051035	Nguyễn Minh Châu	07/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1344	19051037	Bùi Thị Phương Chi	09/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1345	19051038	Lưu Thị Hà Chi	10/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1346	19051041	Vũ Hà Chi	01/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1347	19051042	Hà Thị Luận Chinh	03/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1348	19051043	Hồ Thành Công	12/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1349	19051044	Tạ Thị Cúc	03/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1350	19051045	Nguyễn Văn Đan	01/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1351	19051046	Đặng Duy Đạt	08/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1352	19051047	Lê Thành Đạt	04/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1353	19051048	Trần Huy Đạt	01/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1354	19051049	Vũ Thị Tuyết Dinh	12/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1355	19051050	Nguyễn Thị Dung	08/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1356	19051051	Hoàng Quốc Dũng	10/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1357	19051052	Đào Thị Hoài Dương	04/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1358	19051053	Đỗ Thị Thùy Dương	06/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1359	19051055	Phan Thành Duy	10/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1360	19051056	Trần Anh Duy	10/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1361	19051057	Hoàng Thị Giang	12/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1362	19051058	Ngô Thị Hương Giang	07/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1363	19051059	Nguyễn Thị Hương Giang	07/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1364	19051060	Nguyễn Trường Giang	12/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1365	19051061	Vũ Hương Giang	05/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1366	19051062	Đồng Thị Thu Hà	02/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1367	19051063	Nghiêm Thị Thanh Hà	05/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1368	19051064	Nguyễn Đức Hà	06/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1369	19051066	Nguyễn Ngọc Hà	12/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1370	19051068	Nguyễn Thu Hà	10/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1371	19051069	Phạm Hoàng Hà	11/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1372	19051070	Lê Thanh Hải	04/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1373	19051071	Phạm Hồng Hải	10/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1374	19051073	Văn Thế Hải	09/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1375	19051074	Nguyễn Thị Minh Hằng	07/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1376	19051075	Phạm Thị Thúy Hằng	08/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1377	19051076	Vũ Thu Hằng	12/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1378	19051077	Phạm Thị Minh Hiền	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1379	19051078	Nguyễn Huy Hiếu	09/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1380	19051079	Phạm Huy Hiếu	12/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1381	19051080	Nguyễn Thị Hoa	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1382	19051081	Phạm Thị Hòa	09/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1383	19051082	Trịnh Thị Khánh Hòa	03/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1384	19051083	Đỗ Việt Hoàn	07/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1385	19051084	Bùi Minh Hoàng	06/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1386	19051085	Mai Huy Hoàng	07/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1387	19051086	Nguyễn Đăng Hoàng	05/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1388	19051087	Trần Đức Hoàng	09/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1389	19051088	Nguyễn Thị Hoạt	10/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1390	19051089	Tổng Thị Hồng	01/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1391	19051090	Nguyễn Quang Hợp	08/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1392	19051091	Nguyễn Thị Thương Huế	10/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1393	19051092	Mai Thị Huệ	06/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1394	19051093	Bùi Quỳnh Hương	02/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1395	19051095	Đỗ Mai Hương	02/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1396	19051096	Hoàng Thị Hoài Hương	12/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1397	19051097	Tào Thị Mai Hương	06/24/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1398	19051098	Vũ Hoài Hương	08/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1399	19051099	Đặng Hải Huy	12/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1400	19051100	Nguyễn Phúc Đức Huy	04/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1401	19051101	Phạm Gia Huy	05/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1402	19051102	Phạm Mạnh Huy	02/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1403	19051103	Phan Kế Huy	04/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1404	19051105	Chu Thị Huyền	09/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1405	19051106	Đặng Thị Thanh Huyền	08/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1406	19051107	Đỗ Thị Thanh Huyền	03/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1407	19051108	Phạm Thị Huyền	02/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1408	19051109	Vũ Thị Huyền	01/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1409	19051110	Đỗ Đăng Khải	11/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1410	19051111	Nguyễn Minh Khánh	03/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1411	19051112	Nguyễn Văn Khánh	12/15/2000	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1412	19051114	Bùi Trí Kiên	10/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1413	19051116	Ngô Thị Quỳnh Lâm	04/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1414	19051117	Vũ Huy Lâm	04/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1415	19051118	Đinh Thị Lành	10/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1416	19051119	Trần Thị Liên	04/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1417	19051120	Đặng Khánh Linh	08/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1418	19051121	Đào Khánh Linh	12/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1419	19051122	Đào Phương Linh	06/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1420	19051123	Đỗ Thị Diệu Linh	03/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1421	19051124	Đoàn Khánh Linh	10/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1422	19051125	Đông Thị Thùy Linh	01/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1423	19051128	Lê Lâm Hồng Linh	01/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1424	19051129	Lê Thị Phương Linh	09/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1425	19051130	Lương Thùy Linh	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1426	19051131	Nguyễn Hà Linh	07/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1427	19051132	Phạm Thị Mai Linh	03/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



1428	19051133	Phan Hải Linh	11/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1429	19051134	Trần Thùy Linh	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1430	19051135	Trần Thùy Linh	07/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1431	19051136	Vũ Khánh Linh	12/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1432	19051137	Vũ Mai Linh	07/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1433	19051138	Vương Hoàng Lộc	07/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1434	19051139	Chu Thành Long	11/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1435	19051140	Lê Đức Long	11/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1436	19051142	Nguyễn Cẩm Ly	01/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1437	19051143	Nguyễn Khánh Ly	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1438	19051144	Phạm Thị Tân Lý	10/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1439	19051145	Lê Thị Ngọc Mai	07/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1440	19051146	Mai Thị Thanh Mai	04/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1441	19051147	Nguyễn Cao Hạnh Mai	04/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1442	19051148	Nguyễn Hồng Mai	08/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1443	19051151	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1444	19051152	Phạm Thị Hồng Mây	11/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1445	19051153	Trần Lê Bảo Mi	08/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1446	19051154	Đào Ngọc Minh	10/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1447	19051155	Đinh Lê Ngọc Minh	08/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1448	19051158	Nguyễn Đức Minh	06/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1449	19051159	Nguyễn Thị Hương Mơ	08/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1450	19051160	Nguyễn Hà My	12/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1451	19051161	Trần Hà My	06/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1452	19051162	Đặng Hoài Nam	05/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1453	19051163	Phạm Vũ Hoàng Nam	03/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1454	19051164	Chu Thị Nga	06/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1455	19051165	Đoàn Thị Nga	05/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1456	19051166	Ngô Thị Hằng Nga	06/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1457	19051167	Hoàng Hiếu Ngân	10/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1458	19051169	Đào Hồng Ngọc	09/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1459	19051170	Doãn Bảo Ngọc	09/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1460	19051171	Ngô Thị Bích Ngọc	12/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1461	19051172	Phạm Quang Ngọc	12/06/2000	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1462	19051173	Hoàng Đức Nguyên	01/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1463	19051175	Đào Minh Nguyệt	09/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1464	19051177	Tô Thị Ánh Nguyệt	11/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1465	19051178	Nguyễn Băng Nhi	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1466	19051179	Nhữ Vũ Uyên Nhi	10/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1467	19051180	Bùi Thị Thúy Như	04/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1468	19051183	Lê Hồng Nhung	03/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1469	19051184	Nguyễn Thị Thanh Nhung	06/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1470	19051185	Nguyễn Thị Thùy Nhung	05/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1471	19051186	Nguyễn Thị Oanh	02/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1472	19051187	Nguyễn Trọng Phúc	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1473	19051188	Đoàn Thị Liên Phương	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1474	19051189	Giang Hoài Phương	12/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1475	19051191	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1476	19051192	Nguyễn Thị Thu Phương	07/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1477	19051193	Phạm Phan Hà Phương	06/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1478	19051195	Lê Ngọc Phượng	10/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1479	19051196	Vũ Thị Kim Phượng	05/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1480	19051199	Lê Hoàng Sơn	08/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1481	19051200	Lê Thị Sương	06/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1482	19051202	Nguyễn Khắc Tâm	12/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1483	19051203	Nguyễn Thị Tâm	06/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1484	19051204	Nguyễn Thị Thanh Tâm	06/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1485	19051205	Lưu Thị Hoàng Thanh	06/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1486	19051206	Nguyễn Hoàng Thanh Thanh	03/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1487	19051207	Phạm Thị Thanh	09/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1488	19051208	Vũ Hà Thanh	04/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1489	19051209	Hoàng Phương Thảo	09/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1490	19051210	Lê Phương Thảo	12/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1491	19051211	Lê Thanh Thảo	07/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1492	19051213	Phan Thị Thu Thảo	05/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1493	19051214	Phùng Thị Thanh Thảo	10/24/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1494	19051215	Trần Nguyễn Phương Thảo	02/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1495	19051216	Trần Thị Thảo	10/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1496	19051217	Nguyễn Thị Thoan	01/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1497	19051218	Nguyễn Thị Thu	05/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1498	19051219	Nguyễn Thị Thu	01/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1499	19051220	Nguyễn Hà Thương	09/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1500	19051221	Tăng Thị Thu Thương	06/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1501	19051222	Phan Thị Thuý	10/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1502	19051223	Nguyễn Đặng Thanh Thủy	07/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1503	19051224	Phạm Thu Thủy	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1504	19051225	Phạm Thị Phương Trâm	08/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1505	19051226	Cao Huyền Trang	12/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1506	19051227	Đặng Thị Hương Trang	12/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1507	19051228	Đào Quỳnh Trang	08/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1508	19051229	Diệp Thị Thu Trang	04/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1509	19051230	Đỗ Huyền Trang	01/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1510	19051231	Giang Quỳnh Trang	09/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1511	19051232	Lại Thị Huyền Trang	08/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1512	19051233	Lê Nguyễn Thu Trang	12/02/2000	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1513	19051235	Lê Thu Trang	11/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1514	19051237	Nguyễn Hà Trang	09/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1515	19051238	Nguyễn Linh Trang	01/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1516	19051239	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1517	19051240	Nguyễn Thị Minh Trang	08/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1518	19051242	Trần Thị Thu Trang	04/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1519	19051243	Trịnh Thu Trang	10/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1520	19051244	Từ Thị Thái Trang	03/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1521	19051245	Trần Cao Trí	02/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1522	19051246	Hoàng Xuân Trường	11/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1523	19051247	Nguyễn Thị Thanh Tú	07/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1524	19051248	Trần Minh Tuấn	03/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1525	19051249	Nguyễn Anh Tuấn	04/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1526	19051250	Nguyễn Sơn Tùng	10/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1527	19051251	Đỗ Thị Ngọc Tươi	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1528	19051252	Đỗ Hoàng Uyên	03/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1529	19051253	Nguyễn Thị Thảo Vân	01/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1530	19051254	Phạm Thị Thanh Vân	02/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1531	19051257	Nguyễn Kim Hải Vũ	08/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1532	19051258	Nguyễn Quang Vũ	11/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1533	19051259	Nguyễn Thượng Vũ	10/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1534	19051260	Phạm Anh Vũ	09/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1535	19051262	Phạm Đức Vượng	06/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1536	19051264	Nguyễn Thị Xuyên	08/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1537	19051265	Lương Thị Yên	09/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1538	19051266	Nguyễn Hải Yên	08/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1539	19051267	Nguyễn Hải Yên	06/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1540	19051268	Nguyễn Thị Hoàng Yên	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1541	19051269	Phạm Thị Hải Yên	09/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1542	19051270	Trần Thị Yên	02/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1543	19051273	Lại Thu Hương	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1544	19051277	Ngô Hà My	04/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1545	19051278	Nguyễn Minh Hiền	03/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1546	19051283	Nguyễn Mai Anh	09/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1547	19051301	Phạm Linh Chi	01/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1548	19051303	Nguyễn Phú Đại	01/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	27,020,000	25,870,000	-	
1549	19051307	Đình Quang Duy	09/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1550	19051311	Nguyễn Khánh Hà	03/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1551	19051313	Nguyễn Đỗ Phương Hoài	06/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1552	19051320	Đặng Đình Lâm	10/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1553	19051323	Đỗ Giang Linh	06/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1554	19051324	Bùi Khánh Linh	10/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1555	19051332	Trần Quang Minh	07/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1556	19051336	Đỗ Thị Bích Ngọc	06/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1557	19051338	Vũ Hà Phương	04/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1558	19051340	Vũ Đức Quang	08/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1559	19051342	Hứa Lê San	10/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1560	19051344	Đào Phương Thanh	08/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1561	19051349	Nguyễn Quỳnh Trang	03/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1562	19051350	Nguyễn Anh Tuấn	10/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1563	19051353	Nguyễn Phương Uyên	09/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1564	19051364	Vũ Minh Nguyệt	08/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1565	19051374	Nguyễn Thị Phương Dung	07/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1566	19051386	Trần Thị Kim Nhung	09/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1567	19051389	Nguyễn Văn Phương	12/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1568	19051400	Nguyễn Tiến Trí An	07/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1569	20050002	Âu Thị Thanh Hiệp	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	15,570,000	15,570,000	-	
1570	20050008	Nguyễn Thị Lan Anh	01/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1571	20050009	Nguyễn Văn Chi	01/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1572	20050011	Nguyễn Hương Giang	01/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1573	20050017	Lê Nguyễn Phương Nga	11/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1574	20050018	Phạm Thị Phương Thảo	04/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1575	20050020	Nguyễn Trang Nhung	11/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1576	20050021	Nguyễn Lê Minh Hằng	09/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1577	20050022	Đỗ Thị Ánh	04/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1578	20050023	Nguyễn Thu Hà	1/2/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1579	20050024	Phan Anh Hoàng	05/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1580	20050025	Phạm Thanh Huyền	08/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1581	20050026	Vũ Thị Quỳnh Hương	02/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1582	20050027	Doãn Xuân Lâm	02/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1583	20050032	Lê Dương Tùng	06/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1584	20050033	Ngô Đức Thành	09/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1585	20050034	Nguyễn Thanh Thảo	05/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1586	20050037	Nguyễn Thị Anh Thơ	03/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1587	20050040	Đình Tiên Anh	08/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1588	20050041	Dương Nguyên Anh	01/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1589	20050044	Lương Minh Anh	10/03/2020	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1590	20050046	Nguyễn Quốc Anh	08/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1591	20050047	Nguyễn Thị Lan Anh	02/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1592	20050048	Nguyễn Thị Lan Anh	09/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1593	20050050	Trần Hồng Anh	11/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1594	20050056	Trần Bảo Châu	03/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1595	20050060	Đỗ Xuân Đạt	02/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1596	20050061	Hoàng Tiến Đạt	07/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1597	20050062	Bùi Văn Đức	03/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1598	20050063	Đàm Thái Đức	07/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1599	20050065	Nguyễn Mạnh Đức	06/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1600	20050067	Mạc Thị Phương Dung	04/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1601	20050068	Nguyễn Phương Dung	12/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1602	20050071	Đỗ Việt Dũng	12/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1603	20050073	Lê Tuấn Dũng	05/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1604	20050074	Trần Anh Dũng	06/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1605	20050075	Nguyễn Thùy Dương	10/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1606	20050078	Đặng Trường Giang	05/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1607	20050079	Lê Thúy Giang	12/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	

1608	20050081	Hoàng Thái Hà	08/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1609	20050083	Tạ Thanh Hà	06/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1610	20050086	Trần Thúy Hiền	10/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1611	20050087	Trần Duy Hiền	07/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1612	20050088	Lê Duy Hiếu	08/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	17,475,000	-	
1613	20050091	Nguyễn Việt Hoàng	11/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1614	20050092	Trần Huy Hoàng	08/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1615	20050094	Trần Vũ Hoàng	01/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1616	20050095	Phạm Phi Hùng	12/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1617	20050096	Vũ Đình Hùng	11/11/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1618	20050097	Lại Việt Hưng	11/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1619	20050098	Trần Khắc Hưng	01/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1620	20050102	Nguyễn Thu Hương	09/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1621	20050103	Bùi Thiện Huy	08/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1622	20050106	Phạm Quang Huy	06/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1623	20050110	Nguyễn Khuê	06/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1624	20050111	Nguyễn Vũ Trung Kiên	07/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1625	20050112	Phan Tuấn Kiệt	04/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1626	20050115	Phạm Hải Lâm	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1627	20050117	Đào Phương Linh	06/29/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1628	20050119	Lê Nguyễn Yến Linh	04/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1629	20050120	Nguyễn Hằng Khánh Linh	11/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1630	20050121	Nguyễn Hoàng Linh	03/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1631	20050123	Nguyễn Thị Thảo Linh	11/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1632	20050124	Phùng Quang Linh	03/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,125,000	18,975,000	-	
1633	20050125	Phùng Thị Nhật Linh	02/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1634	20050126	Thào Diệp Linh	04/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1635	20050127	Vũ Phương Linh	06/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1636	20050129	Hoàng Yến Ly	03/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1637	20050130	Vũ Cẩm Ly	04/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	

1638	20050132	Đỗ Phương Mai	05/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1639	20050135	Trần Phương Mai	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1640	20050138	Nguyễn Hà My	11/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1641	20050142	Trần Thị Hồng Ngân	12/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1642	20050143	Vũ Bùi Hoàng Ngân	03/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1643	20050144	Trần Hồng Ngọc	09/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1644	20050145	Vũ Minh Ngọc	11/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1645	20050146	Nguyễn Duy Nhất	07/08/2000	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1646	20050147	Lê Nguyễn Hoàng Nhi	11/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1647	20050148	Nguyễn Thị Kiều Oanh	04/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1648	20050149	Trần Hải Phong	08/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1649	20050150	Bùi Vũ Quốc Phúc	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1650	20050151	Nguyễn Hà Phương	12/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1651	20050154	Phùng Diễm Quỳnh	09/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1652	20050155	Nguyễn Thái Sơn	12/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1653	20050156	Trần Đức Tâm	04/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1654	20050157	Trần Lê Anh Thái	04/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1655	20050158	Nguyễn Ngọc Huyền	07/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1656	20050160	Nguyễn Phương Thảo	9/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1657	20050161	Chu Quỳnh Thi	11/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1658	20050162	Lê Hà Thu	01/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1659	20050163	Lưu Ngọc Anh Thu	07/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1660	20050164	Vũ Minh Thu	12/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1661	20050165	Lê Huyền Thương	01/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1662	20050166	Trần Ngọc Hoài Thương	10/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1663	20050168	Bùi Hạnh Trang	07/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1664	20050169	Hà Thị Thu Trang	08/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,210,000	18,060,000	-
1665	20050171	Lê Thị Hiền Trang	01/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1666	20050172	Lò Ngọc Huyền Trang	12/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1667	20050173	Trần Thị Thu Trang	06/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-



1668	20050175	Đình Anh Trung	09/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1669	20050176	Đặng Thanh Tùng	06/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1670	20050177	Đỗ Hoàng Tùng	04/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1671	20050180	Vũ Hồng Vân	07/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1672	20050183	Đặng Minh Vũ	12/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1673	20050184	Trần Anh Vũ	11/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1674	20050741	Vũ Hồng An	08/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1675	20050742	Bùi Quỳnh Anh	11/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1676	20050743	Bùi Thị Phương Anh	12/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1677	20050744	Đỗ Diệp Anh	06/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1678	20050745	Đỗ Hồng Anh	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1679	20050746	Đỗ Nguyễn Văn Anh	12/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1680	20050747	Đào Phương Anh	11/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1681	20050748	Đình Thị Ngọc Anh	04/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1682	20050749	Đình Thị Nhật Anh	04/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1683	20050750	Đoàn Thị Hương Anh	05/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	20,920,000	20,920,000	-	
1684	20050751	Giáp Thị Vân Anh	10/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1685	20050752	Nguyễn Hoàng Thục Anh	08/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1686	20050753	Nguyễn Lan Anh	07/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1687	20050754	Nguyễn Minh Anh	03/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1688	20050755	Nguyễn Phương Anh	03/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1689	20050756	Nguyễn Thị Hải Anh	11/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1690	20050757	Nguyễn Thị Mai Anh	04/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1691	20050758	Nguyễn Thị Ngọc Anh	08/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1692	20050759	Nguyễn Thị Phương Anh	05/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1693	20050760	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	02/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1694	20050761	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1695	20050762	Nguyễn Tuấn Anh	06/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1696	20050763	Nguyễn Văn Tuấn Anh	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1697	20050764	Phạm Tú Anh	12/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1698	20050765	Phùng Lê Anh	11/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1699	20050766	Trần Minh Anh	05/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1700	20050767	Trần Thị Minh Anh	01/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1701	20050768	Trần Thị Minh Anh	08/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1702	20050769	Trương Hải Anh	06/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1703	20050770	Trương Thị Tú Anh	09/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1704	20050772	Vũ Tuyết Anh	05/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1705	20050773	Đỗ Thị Minh Ánh	12/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1706	20050774	Đỗ Thị Minh Ánh	09/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1707	20050775	Nguyễn Thị Ánh	04/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1708	20050776	Trịnh Thị Minh Ánh	05/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1709	20050777	Hoàng Thái Bảo	12/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1710	20050778	Phạm Nguyên Bình	09/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1711	20050779	Vũ Nguyên Bình	01/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1712	20050780	Bùi Thị Ngọc Châm	09/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1713	20050781	Đỗ Thị Châm	06/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1714	20050782	Nguyễn Minh Châu	09/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1715	20050783	Nguyễn Phương Chi	12/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1716	20050785	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	08/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1717	20050786	Vy Ngọc Diệp	12/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1718	20050789	Vũ Bá Duy	12/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1719	20050790	Nguyễn Mỹ Duyên	08/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1720	20050791	Đặng Hồng Dương	06/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1721	20050792	Hồ Phạm Thùy Dương	10/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1722	20050793	Phạm Thuỳ Dương	12/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1723	20050794	Trịnh Thùy Dương	04/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1724	20050795	Nguyễn Thị Đào	12/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1725	20050796	Vũ Hải Đăng	07/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1726	20050797	Lê Văn Đức	10/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1727	20050798	Nguyễn Bá Đức	09/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1728	20050799	Nguyễn Minh Đức	03/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1729	20050800	Nguyễn Việt Đức	05/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1730	20050801	Phan Minh Đức	12/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1731	20050802	Trần Thị Hồng Gấm	10/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1732	20050803	Bùi Thị Hương Giang	05/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1733	20050805	Đoàn Hương Giang	11/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1734	20050806	Đoàn Thị Hương Giang	08/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1735	20050807	Hoàng Băng Giang	12/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1736	20050808	Nguyễn Thị Thùy Giang	04/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1737	20050809	Vũ Thị Hồng Giang	11/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1738	20050810	Dương Minh Hà	10/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1739	20050811	Kiều Nguyệt Hà	11/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1740	20050812	Nguyễn Thu Hà	11/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1741	20050813	Đặng Hoàng Hải	04/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1742	20050815	Nguyễn Thị Thanh Hải	06/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1743	20050816	Nguyễn Thị Hạnh	06/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1744	20050817	Nguyễn Thị Hạnh	03/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1745	20050818	Trần Đình Hạnh	02/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1746	20050821	Tạ Thanh Hằng	04/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1747	20050822	Võ Thị Minh Hằng	07/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1748	20050823	Nguyễn Thị Bảo Hân	04/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1749	20050824	Trần Lê Hân	12/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1750	20050825	Nguyễn Thu Hiền	03/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1751	20050826	Vũ Thu Hiền	02/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1752	20050829	Phạm Trung Hiếu	10/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1753	20050830	Đoàn Thị Hoài	06/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1754	20050831	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1755	20050832	Nguyễn Thu Hoài	01/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1756	20050833	Vũ Thị Hoài	08/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1757	20050834	Vũ Lê Hoàng	05/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1758	20050835	Kiều Quang Huy	12/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1759	20050836	Phạm Quang Huy	01/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1760	20050837	Trần Quang Huy	07/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1761	20050838	Đường Thu Huyền	10/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1762	20050839	Lê Thương Huyền	02/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1763	20050840	Lưu Khánh Huyền	11/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1764	20050841	Nguyễn Khánh Huyền	06/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1765	20050842	Nguyễn Thị Huyền	03/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1766	20050843	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1767	20050844	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1768	20050845	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1769	20050846	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1770	20050847	Phùng Khánh Huyền	10/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1771	20050848	Trần Trung Hưng	09/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1772	20050849	Đỗ Lan Hương	11/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1773	20050850	Nguyễn Thị Hương	12/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1774	20050851	Phạm Thu Hương	06/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1775	20050852	Trịnh Thị Lan Hương	02/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1776	20050853	Mâu Minh Khải	11/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1777	20050854	Dương Nguyễn Long Khánh	09/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1778	20050855	Phạm Minh Khoa	06/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1779	20050856	Nguyễn Thị Thu Lan	04/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1780	20050857	Vũ Thị Lâm	05/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1781	20050858	Nguyễn Thị Phương Liên	08/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1782	20050859	Bạch Khánh Linh	12/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1783	20050861	Dương Ngọc Huyền Linh	06/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1784	20050862	Đinh Thị Thùy Linh	02/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1785	20050863	Lê Phương Linh	06/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1786	20050866	Nguyễn Thị Khánh Linh	03/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1787	20050867	Phan Thị Thùy Linh	11/09/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	

1788	20050868	Phạm Khánh Linh	04/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1789	20050869	Phạm Thị Khánh Linh	09/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1790	20050870	Phạm Thùy Linh	11/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1791	20050871	Trần Thị Diệu Linh	03/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1792	20050872	Lê Thị Thanh Loan	04/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1793	20050873	Ngô Thị Bích Loan	12/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1794	20050874	Trần Đức Long	09/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1795	20050876	Nguyễn Thị Lý	06/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1796	20050877	Bùi Ngọc Mai	10/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1797	20050878	Đinh Hoàng Linh Mai	07/31/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1798	20050879	Nguyễn Phương Mai	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1799	20050880	Phạm Kiều Mai	11/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1800	20050881	Phạm Thị Ngọc Mai	04/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1801	20050882	Trần Nhật Mai	12/01/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1802	20050883	Nguyễn Ngọc Minh	08/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1803	20050884	Nguyễn Quý Minh	11/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1804	20050885	Phạm Huyền Minh	10/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1805	20050886	Bùi Nguyễn Huyền My	08/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1806	20050887	Đỗ Trà My	07/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1807	20050888	Lê Na	09/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1808	20050889	Bùi Nhật Nam	01/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1809	20050890	Nguyễn Hoài Nam	10/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1810	20050891	Dương Thị Hằng Nga	02/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1811	20050892	Đỗ Thị Nga	08/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1812	20050893	Nguyễn Phương Nga	10/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1813	20050894	Nguyễn Thị Ngà	07/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1814	20050895	Hoàng Thị Thu Ngân	10/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	14,100,000	14,100,000	-	
1815	20050897	Đỗ Vũ Bích Ngọc	10/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1816	20050898	Lương Minh Ngọc	02/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1817	20050903	Trần Thị Ánh Ngọc	07/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1818	20050904	Ngô Thị Thanh Nhân	11/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1819	20050905	Vũ Thị Nhâm	08/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1820	20050906	Bùi Huyền Nhi	09/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
1821	20050907	Phạm Mai Nhi	12/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1822	20050908	Trịnh Yên Nhi	12/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1823	20050909	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1824	20050910	Nguyễn Thị Nhung	01/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1825	20050911	Nguyễn Trúc Anh Nhung	08/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1826	20050912	Nguyễn Thị Minh Nụ	06/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1827	20050913	Vũ Hoàng Oanh	02/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1828	20050915	Phạm Xuân Ngọc Phước	10/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1829	20050916	Nguyễn Lan Phương	07/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1830	20050918	Phạm Minh Phương	10/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1831	20050919	Phạm Thị Hà Phương	11/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1832	20050920	Trần Minh Phương	12/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1833	20050921	Trịnh Lê Minh Phương	09/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1834	20050922	Vũ Thu Phương	12/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1835	20050923	Vũ Thị Đan Phượng	06/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1836	20050925	Bùi Phương Quỳnh	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1837	20050926	Đinh Công Thái Sơn	10/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1838	20050927	Vũ Đức Sơn	12/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1839	20050928	Đỗ Thanh Tâm	11/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1840	20050929	Bùi Phương Thảo	07/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1841	20050930	Bùi Phương Thảo	04/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1842	20050931	Cao Phương Thảo	12/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1843	20050932	Lê Thị Thảo	05/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1844	20050933	Lê Thị Thảo	12/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1845	20050934	Nguyễn Phương Thảo	11/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1846	20050935	Phạm Thị Phương Thảo	06/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1847	20050936	Trần Hà Ngọc Thảo	10/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1848	20050937	Trịnh Thu Thảo	05/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1849	20050938	Nguyễn Thị Thắm	01/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1850	20050939	Nguyễn Bảo Thắng	03/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1851	20050940	Nguyễn Đức Thắng	09/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1852	20050941	Dương Thị Thu	12/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1853	20050942	Phạm Thanh Thùy	06/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1854	20050944	Nguyễn Ngọc Thư	06/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1855	20050945	Nguyễn Thị Anh Thư	02/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1856	20050946	Nguyễn Thị Oanh Thư	10/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1857	20050947	Nguyễn Thanh Thư	07/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1858	20050949	Lưu Thị Thu Trà	02/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1859	20050951	Nguyễn Minh Trang	08/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1860	20050952	Nguyễn Thu Trang	02/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1861	20050953	Phạm Lê Quỳnh Trang	06/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1862	20050954	Phạm Thu Trang	06/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1863	20050955	Quách Huyền Trang	12/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1864	20050956	Nguyễn Mạnh Trường	09/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1865	20050957	Nguyễn Việt Mạnh Trường	11/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1866	20050958	Tạ Hùng Trường	05/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1867	20050959	Phan Phương Tú	03/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1868	20050960	Nguyễn Thị Kim Tuyền	04/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1869	20050961	Trần Ánh Tuyết	05/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1870	20050962	Hoàng Thị Tú Uyên	12/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1871	20050963	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1872	20050964	Phạm Thị Thu Uyên	02/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1873	20050965	Nguyễn Thị Ánh Vân	06/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1874	20050966	Vũ Thị Bích Việt	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1875	20050967	Lâm Khánh Vy	03/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
1876	20050969	Nguyễn Thị Xuyên	07/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1877	20050970	Đoàn Thị Yến	02/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1878	20050971	Nguyễn Hải Yến	07/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa QTKD</b>				<i>576 sinh viên</i>				
1879	16051067	Khúc Cẩm Linh	01/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	8,995,000	8,995,000	-	
1880	16052332	Đình Bảo Duy	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	5,565,000	5,565,000	-	
1881	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1882	17050664	Nguyễn Linh Chi	07/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1883	17050665	Trần Ngọc Vân Chi	11/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1884	17050667	Nguyễn Trí Dũng	01/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1885	17050668	Trần Hoàng Dương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1886	17050669	Lương Thị Thuý Dương	07/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1887	17050670	Đỗ Thái Đông	06/16/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1888	17050672	Lê Hà Giang	09/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1889	17050674	Nguyễn Hải Hiệp	07/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1890	17050675	Nghiêm Trung Hiếu	04/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1891	17050677	Nguyễn Thị Xuân Hòa	08/01/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1892	17050681	Nguyễn Thanh Huyền	08/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1893	17050683	Trần Thị Thanh Huyền	03/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1894	17050684	Nguyễn Thu Huyền	10/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1895	17050685	Vũ Quỳnh Hương	09/06/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1896	17050686	Lê Thị Hương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1897	17050688	Nguyễn Tuấn Khải	08/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1898	17050689	Nguyễn Quốc Khánh	08/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1899	17050694	Nguyễn Tất Linh	01/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1900	17050695	Hoàng Thị Yến Linh	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1901	17050698	Đặng Hương Ly	04/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1902	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1903	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1904	17050703	Mai Hải Nam	09/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1905	17050705	Bùi Bích Ngọc	08/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1906	17050708	Phạm Kim Oanh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



1907	17050714	Phan Diễm Quỳnh	10/09/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1908	17050715	Bùi Ngọc Quỳnh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1909	17050716	Phạm Thuý Quỳnh	06/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1910	17050717	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1911	17050718	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1912	17050719	Đỗ Phương Thảo	09/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	13,725,000	13,725,000	-
1913	17050720	Nguyễn Thị Thoa	09/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1914	17050722	Phạm Ngọc Thương	07/19/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1915	17050723	Chu Huyền Trang	01/31/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1916	17050724	Đỗ Huyền Trang	09/13/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1917	17050726	Bùi Quỳnh Trang	06/26/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1918	17050727	Nguyễn Thị Thu Trang	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1919	17050731	Bùi Sơn Tùng	11/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1920	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1921	17050734	Hà Thị Hải Yến	07/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1922	18050650	Trần Thái An	11/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1923	18050651	Bùi Đức Anh	06/24/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1924	18050652	Hà Quỳnh Anh	05/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1925	18050653	Hạng Triệu Đức Anh	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	21,835,000	21,835,000	-
1926	18050655	Hoàng Thị Vân Anh	11/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1927	18050657	Nguyễn Hà Anh	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1928	18050659	Nguyễn Hồng Anh	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	22,480,000	22,480,000	-
1929	18050660	Nguyễn Lê Phương Anh	07/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1930	18050661	Nguyễn Ngọc Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1931	18050663	Nguyễn Phương Anh	07/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1932	18050664	Nguyễn Thị Lan Anh	05/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1933	18050665	Nguyễn Thị Tuyết Anh	04/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1934	18050666	Nguyễn Tùng Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1935	18050667	Nguyễn Việt Anh	03/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1936	18050668	Phạm Duy Anh	11/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1937	18050669	Phạm Thị Vân Anh	04/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1938	18050672	Trần Vương Tú Anh	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1939	18050673	Vũ Huyền Anh	10/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1940	18050674	Vũ Thị Quỳnh Anh	09/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1941	18050676	Giáp Ngọc Ánh	01/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1942	18050678	Mai Thị Ngọc Ánh	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1943	18050679	Nguyễn Ngọc Ánh	02/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1944	18050682	Phạm Văn Bình	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1945	18050683	Tô Thị Bình	06/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1946	18050684	Trần Đức Bình	02/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1947	18050685	Vũ Kim Chi	05/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1948	18050686	Nguyễn Thị Chung	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1949	18050687	Đào Ngọc Chuyên	04/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1950	18050688	Hoàng Khánh Đạt	09/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1951	18050689	Phạm Minh Đạt	12/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1952	18050690	Hoàng Anh Đức	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1953	18050691	Lê Nguyên Đức	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1954	18050692	Phan Đình Đức	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1955	18050694	Nguyễn Thị Ngọc Dung	10/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1956	18050695	Lê Đức Dũng	11/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1957	18050697	Nguyễn Thủy Dương	07/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1958	18050698	Phạm Thùy Dương	03/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1959	18050699	Đào Hoàng Duy	12/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1960	18050700	Đặng Long Giang	07/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1961	18050701	Đình Trà Giang	08/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1962	18050702	Nguyễn Thanh Giang	06/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1963	18050703	Nguyễn Trường Giang	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1964	18050704	Vũ Trường Giang	04/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1965	18050705	Bùi Thị Hồng Hà	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1966	18050708	Vũ Ngọc Hà	06/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1967	18050712	Nguyễn Thị Hằng	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1968	18050716	Nguyễn Thị Thanh Hậu	07/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1969	18050719	Vũ Trung Hiếu	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1970	18050720	Trương Thanh Hoa	02/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1971	18050721	Đình Bá Hoàng	05/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1972	18050722	Phạm Minh Hoàng	08/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1973	18050723	Phan Huy Hoàng	08/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1974	18050724	Nguyễn Thị Huệ	09/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1975	18050725	Tạ Thị Thu Huệ	12/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1976	18050726	Hoàng Mai Hương	02/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1977	18050727	Bùi Thị Hường	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1978	18050728	Đỗ Ngọc Huy	11/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1979	18050729	Dương Quốc Huy	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1980	18050730	Ngô Quang Huy	04/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1981	18050732	Vũ Huỳnh Anh Huy	10/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1982	18050734	Ngô Thị Khánh Huyền	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1983	18050735	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1984	18050736	Trần Việt Kết	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1985	18050737	Nguyễn Tuấn Khang	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1986	18050739	Trịnh Hồng Lê	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1987	18050741	Doãn Thị Thủy Linh	09/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1988	18050742	Hồ Nhật Linh	11/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1989	18050744	Lục Phạm Khánh Linh	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
1990	18050745	Mai Thị Thùy Linh	10/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1991	18050746	Ngô Khánh Linh	07/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1992	18050747	Ngô Thị Diệu Linh	03/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1993	18050750	Nguyễn Trúc Linh	10/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1994	18050751	Phạm Thùy Linh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1995	18050752	Trịnh Khánh Linh	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1996	18050753	Vũ Thùy Linh	08/16/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1997	18050754	Nguyễn Thị Loan	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1998	18050755	Hoàng Ngọc Long	07/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1999	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2000	18050757	Trương Thế Long	12/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2001	18050759	Vũ Quốc Long	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2002	18050760	Bùi Trần Công Lực	04/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2003	18050761	Tống Thị Hải Ly	08/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2004	18050762	Nguyễn Minh Lý	08/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2005	18050763	Đinh Thị Mai	04/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2006	18050764	Đoàn Thúy Mai	01/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2007	18050765	Nguyễn Thị Mai	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2008	18050766	Vũ Thị Mai	06/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2009	18050767	Nguyễn Tiến Mạnh	12/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2010	18050770	Nguyễn Tuấn Minh	10/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2011	18050771	Đinh Huyền My	04/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2012	18050772	Kiều Thị Trà My	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2013	18050773	Phạm Đoàn Trà My	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2014	18050774	Bùi Thúy Nga	06/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2015	18050775	Hoàng Mai Ngân	09/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2016	18050778	Lê Thị Bảo Ngọc	04/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2017	18050781	Nguyễn Yến Ngọc	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2018	18050782	Phạm Hoài Ngọc	12/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2019	18050785	Lê Hoàng Yến Nhi	03/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2020	18050786	Lê Yến Nhi	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2021	18050787	Nguyễn Hương Nhi	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2022	18050788	Trần Minh Nhi	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2023	18050789	Phùng Đỗ Tâm Như	09/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2024	18050790	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2025	18050791	Nguyễn Thị Nhung	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
2026	18050793	Mạc Phương Oanh	06/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2027	18050795	Bùi Thị Hồng Phúc	08/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2028	18050797	Nguyễn Thị Phương	06/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2029	18050798	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2030	18050800	Đào Thị Phương	09/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2031	18050801	Trần Thị Thu Quyên	11/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2032	18050802	Bùi Trung Quyên	03/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2033	18050804	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	11/25/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2034	18050805	Chu Đỗ Hoàng Sơn	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2035	18050806	Ninh Văn Sơn	08/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2036	18050808	Nguyễn Thị Tâm	03/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2037	18050809	Nguyễn Trọng Tấn	09/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2038	18050810	Lương Thanh Thảo	08/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2039	18050811	Nguyễn Thị Lê Thảo	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2040	18050812	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2041	18050814	Nguyễn Thị Thiện	08/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2042	18050818	Nguyễn Vũ Minh Thu	03/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2043	18050819	Vũ Hà Thu	12/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2044	18050821	Lê Thu Thúy	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2045	18050822	Nguyễn Thị Thanh Thủy	06/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2046	18050823	Mai Nguyễn Thanh Thủy	01/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2047	18050824	Phạm Thị Thu Thủy	05/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2048	18050828	Đình Hoàng Hạnh Trang	10/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2049	18050829	Hoàng Thị Quỳnh Trang	09/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2050	18050830	Kim Minh Trang	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2051	18050831	Lê Minh Trang	07/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2052	18050832	Lường Thị Trang	07/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2053	18050833	Lưu Quỳnh Trang	08/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2054	18050834	Mai Thị Kiều Trang	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-	
2055	18050835	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2056	18050836	Trần Hạnh Trang	11/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2057	18050837	Trần Đức Trung	09/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2058	18050838	Nguyễn Anh Tú	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2059	18050842	Trịnh Thị Tuyết	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2060	18050843	Lê Thị Thu Uyên	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2061	18050844	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2062	18050845	Lê Minh Vũ	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-	
2063	18050846	Nguyễn Thị Yên	10/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2064	18050850	Bùi Đức Hoàng	07/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2065	19051402	Đặng Thị Thúy An	11/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2066	19051403	Phạm Thúy An	01/13/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2067	19051404	Trần Thành An	06/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2068	19051405	An Tuấn Anh	06/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2069	19051406	Bùi Đức Anh	04/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2070	19051407	Bùi Nguyễn Mai Anh	07/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2071	19051411	Hoa Quỳnh Anh	09/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2072	19051413	Lại Mai Anh	11/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2073	19051415	Lê Thế Anh	06/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2074	19051418	Nguyễn Thị Châm Anh	03/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2075	19051419	Nguyễn Thị Vân Anh	05/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2076	19051420	Trần Mai Anh	03/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2077	19051421	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2078	19051422	Trần Ngọc Ánh	09/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2079	19051423	Hoàng Xuân Bách	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2080	19051424	Lê Sỹ Bách	12/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	13,350,000	13,350,000	-	
2081	19051425	Trần Ngọc Bách	02/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2082	19051427	Đào Thị Linh Chi	08/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2083	19051428	Nguyễn Kim Chi	07/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2084	19051429	Phùng Hà Chi	09/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2085	19051430	Trịnh Lan Chi	05/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2086	19051431	Vũ Thành Công	07/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2087	19051432	Nguyễn Thị Cúc	06/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2088	19051433	Phạm Đức Cường	04/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2089	19051434	Hoàng Quốc Đại	09/12/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2090	19051435	Nguyễn Tiến Đạt	07/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2091	19051436	Nguyễn Trọng Đạt	02/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2092	19051437	Đỗ Hồng Diễm	01/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2093	19051439	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp	08/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2094	19051440	Cao Việt Đức	09/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2095	19051441	Hà Minh Đức	09/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2096	19051442	Lê Anh Đức	05/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2097	19051443	Nghiêm Huỳnh Đức	05/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2098	19051444	Nguyễn Văn Đức	02/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2099	19051445	Phạm Thị Kim Dung	02/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2100	19051446	Hoàng Mạnh Dũng	09/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2101	19051448	Nguyễn Hoàng Dũng	10/31/1999	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2102	19051449	Trần Văn Dũng	03/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2103	19051450	Nguyễn Phạm Cẩm Dương	09/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2104	19051452	Nguyễn Thùy Dương	10/04/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2105	19051454	Nguyễn Phương Duyên	01/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2106	19051455	Đoàn Hương Giang	02/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2107	19051456	Ngô Cảnh Hoàng Giang	08/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2108	19051458	Trần Nguyễn Nguyên Hà	12/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2109	19051459	Nguyễn Thúy Hằng	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2110	19051460	Ninh Thúy Hằng	10/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2111	19051461	Chu Thị Tiểu Hạnh	05/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2112	19051462	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2113	19051463	Nguyễn Minh Hào	12/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2114	19051466	Đặng Thị Thúy Hiền	08/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2115	19051467	Nguyễn Thị Minh Hiền	02/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2116	19051468	Trịnh Thị Hiền	12/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2117	19051469	Hà Minh Hiếu	09/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2118	19051470	Lê Tiến Hiếu	07/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2119	19051471	Tạ Nguyễn Vũ Đức Hiếu	07/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2120	19051472	Kiều Thị Hoa	03/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2121	19051473	Đình Thị Thu Hoài	09/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2122	19051475	Nguyễn Nhật Hoàng	12/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2123	19051476	Vũ Huy Hoàng	10/12/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2124	19051477	Nguyễn Mạnh Hùng	06/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2125	19051478	Hoàng Việt Hưng	11/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2126	19051481	Trịnh Vũ Hưng	09/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	-
2127	19051482	Lê Thị Mai Hương	08/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2128	19051483	Lưu Thị Hương	10/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2129	19051484	Nguyễn Lan Hương	05/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2130	19051485	Chu Thị Hường	11/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2131	19051486	Nguyễn Công Huy	12/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2132	19051487	Nguyễn Văn Huy	11/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2133	19051488	Đình Thị Minh Huyền	05/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2134	19051491	Phạm Thị Huyền	04/12/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2135	19051492	Phan Thị Diệu Huyền	11/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2136	19051493	Trần Thị Thanh Huyền	04/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2137	19051495	Nguyễn Quốc Khánh	02/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2138	19051497	Trần Thị Lâm	05/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2139	19051499	Hà Nguyễn Phương Lan	04/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2140	19051500	Lê Phương Lan	07/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2141	19051501	Nguyễn Thị Lan	08/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2142	19051504	Cao Khánh Linh	09/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2143	19051507	Nguyễn Phương Linh	05/31/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2144	19051509	Phạm Trang Linh	02/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
2145	19051510	Tống Khánh Linh	03/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2146	19051511	Trần Phương Linh	12/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-



2147	19051512	Trần Thị Linh	02/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2148	19051513	Nguyễn Thị Hiền Lương	09/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2149	19051514	Chu Cẩm Ly	11/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2150	19051517	Vũ Thị Tân Mai	10/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2151	19051518	Nguyễn Quang Mạnh	01/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2152	19051520	Đỗ Quang Minh	05/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2153	19051522	Hoàng Minh	01/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2154	19051524	Nguyễn Nguyệt Minh	03/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2155	19051527	Hoàng Thảo My	12/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2156	19051528	Ngô Thị Trà My	10/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2157	19051530	Chu Thị Mỹ	09/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2158	19051531	Đỗ Hải Nam	01/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2159	19051533	Ngô Quỳnh Nga	10/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2160	19051534	Nguyễn Hằng Nga	08/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2161	19051536	Nguyễn Thanh Nga	09/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2162	19051537	Phạm Thị Phương Nga	11/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2163	19051539	Vũ Quốc Nghĩa	02/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2164	19051540	Đỗ Thị Ngoan	06/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2165	19051541	Đặng Hà Hồng Ngọc	10/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2166	19051543	Đỗ Thị Minh Ngọc	02/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2167	19051544	Nguyễn Lam Ngọc	02/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2168	19051546	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	11/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2169	19051547	Vũ Bảo Ngọc	12/13/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2170	19051548	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	02/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2171	19051549	Phan Thị Thanh Nhân	08/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2172	19051551	Lã Thị Nhung	03/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
2173	19051552	Nguyễn Duy Phong	05/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2174	19051553	Phạm Doãn Thanh Phong	09/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2175	19051554	Đỗ Minh Phú	09/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2176	19051555	Đỗ Nam Phương	08/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2177	19051556	Ngô Thị Lan Phương	01/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2178	19051557	Nguyễn Lê Hà Phương	03/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2179	19051559	Nguyễn Thị Việt Phương	08/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2180	19051560	Nguyễn Thu Phương	12/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2181	19051563	Lê Ngọc Phương	09/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2182	19051565	Lã Tùng Quân	10/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2183	19051566	Lê Minh Quân	02/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2184	19051567	Trần Anh Quân	06/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2185	19051568	Vũ Hồng Quân	05/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2186	19051570	Hoàng Hương Quỳnh	03/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2187	19051571	Lưu Diễm Quỳnh	07/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2188	19051572	Phạm Ngọc Quỳnh	01/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2189	19051574	Nguyễn Ngọc Tân	04/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2190	19051575	Nguyễn Nguyên Tân	06/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2191	19051576	Đỗ Đức Thắng	08/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2192	19051578	Nguyễn Tuấn Thành	10/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2193	19051579	Phạm Khắc Thành	12/18/2000	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2194	19051580	Trần Trường Thành	05/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2195	19051581	An Thị Phương Thảo	10/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2196	19051582	Lại Thị Thảo	04/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2197	19051583	Lưu Phương Thảo	12/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2198	19051584	Nguyễn Phương Thảo	07/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2199	19051586	Trần Thị Phương Thảo	09/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2200	19051587	Nguyễn Phúc Thiện	10/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2201	19051590	Trương Thị Minh Thoa	01/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2202	19051591	Lê Hoài Thu	05/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2203	19051593	Phùng Văn Thường	07/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2204	19051594	Nguyễn Thị Thủy	10/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2205	19051595	Dương Thị Phương Thúy	09/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2206	19051596	Nguyễn Minh Thúy	04/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2207	19051597	Nguyễn Phương Thùy	01/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
2208	19051598	Nguyễn Thị Thùy	02/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2209	19051599	Bùi Thị Thanh Thùy	07/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2210	19051600	Nguyễn Thị Thùy	05/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2211	19051601	Võ Thị Trà	11/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2212	19051602	Đinh Thị Thu Trang	05/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2213	19051604	Hoàng Thanh Trang	01/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2214	19051605	Hoàng Thị Trang	06/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2215	19051606	Nguyễn Thị Đào Trang	03/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2216	19051608	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2217	19051609	Nguyễn Thị Thu Trang	07/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2218	19051611	Nguyễn Thu Trang	08/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2219	19051614	Tạ Ngô Thiên Trang	10/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2220	19051615	Bùi Thế Trường	02/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2221	19051617	Phạm Sơn Trường	08/04/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2222	19051618	Cù Minh Tú	12/23/2000	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2223	19051619	Lê Hoàng Anh Tú	08/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2224	19051620	Cao Anh Tuấn	09/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2225	19051621	Trần Thị Tươi	04/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2226	19051623	Phạm Thị Thảo Vân	01/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2227	19051624	Nguyễn Tường Vi	08/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2228	19051627	Bùi Hà Vy	11/13/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2229	19051628	Nguyễn Lưu Anh Xuyên	01/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2230	19051629	Nguyễn Hải Yến	08/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2231	19051630	Nguyễn Thị Hải Yến	08/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2232	19051631	Nguyễn Thị Hải Yến	10/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	20,920,000	20,920,000	-	
2233	19051634	Trần Thị Tổ Uyên	06/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2234	19051643	Lê Huy Cường	01/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2235	19051645	Nguyễn Võ Dương	04/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2236	19051646	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2237	19051657	Hoàng Bá Khôi Nguyên	01/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	20,125,000	20,125,000	-	
2238	19051659	Lê Phương Thảo	07/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2239	19051664	Phạm Phương Anh	03/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2240	19051665	Phạm Hồng Nhung	01/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2241	19051685	Nguyễn Ngọc Quỳnh	10/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2242	19051690	Nguyễn Lê Uyên	11/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2243	19051691	Nguyễn Lê Vy	11/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2244	19051695	Nguyễn Trùng Dương	08/25/2000	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2245	20050005	Lê Kim Chi	10/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2246	20050006	Trần Ngọc Thái	06/20/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2247	20050007	Trần Châu Anh	06/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2248	20050010	Nguyễn Quỳnh Chi	07/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2249	20050012	Hạ Thị Thu Hiền	12/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2250	20050013	Phạm Văn Huy	11/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2251	20050016	Lương Thùy Minh	04/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2252	20050019	Đỗ Huyền Trang	03/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2253	20050029	Vũ Mai Linh	11/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2254	20050030	Nguyễn Quỳnh Nga	01/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2255	20050031	Phan Uyên Nhi	08/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2256	20050042	Hoàng Minh Anh	09/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2257	20050049	Nguyễn Võ Thục Anh	10/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2258	20050052	Nguyễn Hữu Bách	03/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2259	20050055	Vũ Văn Bình	12/08/2000	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2260	20050064	Nguyễn Mạnh Đức	10/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	11,450,000	-	
2261	20050066	Vũ Minh Đức	06/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2262	20050069	Nguyễn Thanh Dung	5/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2263	20050077	Nguyễn Thế Duy	03/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2264	20050090	Vũ Minh Hiếu	1/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2265	20050099	Vũ Cảnh Hưng	12/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2266	20050105	Nguyễn Phúc Huy	08/24/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2267	20050109	Phạm Ngọc Khánh	12/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2268	20050113	Phùng Tuấn Kiệt	11/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2269	20050122	Nguyễn Tài Linh	08/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2270	20050128	Lê Bảo Lộc	05/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2271	20050136	Nguyễn Văn Mạnh	3/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2272	20050137	Đỗ Thị Hà My	03/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2273	20050139	Hoàng Tuấn Nam	11/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2274	20050152	Ngô Vinh Quang	11/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2275	20050153	Nguyễn Anh Quốc	07/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2276	20050159	Đặng Thanh Thảo	9/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2277	20050167	Đỗ Bá Tiến	02/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2278	20050179	Trần Ngô Thanh Vân	10/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2279	20050186	Trần Phương Dung	3/05/2000	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2280	20050187	Lương Phương Thảo	02/24/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2281	20050188	Kiều Tràng An	09/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2282	20050190	Nguyễn Thị Bình An	08/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2283	20050191	Phạm Thùy An	05/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2284	20050193	Đỗ Quỳnh Anh	09/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2285	20050194	Hồ Thị Như Anh	10/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2286	20050195	Hà Thị Ngọc Anh	07/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2287	20050196	Hoàng Lê Văn Anh	05/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2288	20050197	Hoàng Phương Anh	12/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2289	20050198	Hoàng Thị Ngọc Anh	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2290	20050199	Nguyễn Đoàn Kim Anh	02/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2291	20050200	Nguyễn Hải Anh	10/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2292	20050201	Nguyễn Hải Anh	10/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2293	20050203	Nguyễn Minh Phương Anh	03/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2294	20050204	Nguyễn Thị Lan Anh	03/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2295	20050205	Nguyễn Thị Trang Anh	06/19/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2296	20050206	Nguyễn Văn Anh	02/24/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2297	20050208	Phạm Hoàng Anh	01/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2298	20050210	Tạ Phương Anh	02/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2299	20050212	Trần Nguyệt Anh	08/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2300	20050213	Trần Văn Anh	06/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2301	20050214	Vũ Phương Anh	07/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-	
2302	20050215	Trương Nhật Ánh	01/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2303	20050217	Bùi Thị Thái Bình	09/04/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2304	20050218	Vũ Bắc Bình	02/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2305	20050219	Phan Ngọc Chi	11/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2306	20050220	Trần Thị Mai Chi	08/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2307	20050221	Trần Tùng Chi	11/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2308	20050222	Nguyễn Thị Chinh	04/24/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2309	20050223	Lê Thị Cúc	04/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2310	20050224	Nguyễn Hữu Cương	11/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	14,100,000	14,100,000	-	
2311	20050226	Triệu Trí Cường	11/17/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2312	20050227	Nguyễn Lê Tùng Diệp	08/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2313	20050229	Dương Công Dũng	09/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2314	20050231	Đỗ Thị Thùy Dương	08/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2315	20050232	Đỗ Thùy Dương	06/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2316	20050233	Lý Chiu Dương	04/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2317	20050235	Vũ Khắc Đại	07/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2318	20050236	Phạm Thị Linh Đan	08/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2319	20050237	Phạm Thảo Đan	01/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2320	20050238	Lê Anh Đức	12/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2321	20050239	Lê Quyền Giang	11/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2322	20050240	Nguyễn Hà Giang	06/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2323	20050242	Nguyễn Thu Giang	09/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2324	20050243	Phạm Linh Giang	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2325	20050245	Đinh Thị Thu Hà	08/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2326	20050246	Vũ Nguyệt Hà	08/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2327	20050248	Phạm Đoàn Minh Hải	01/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2328	20050249	Kiều Hồng Hạnh	04/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2329	20050250	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	09/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2330	20050252	Phạm Xuân Hào	07/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2331	20050253	Hoàng Thị Hằng	03/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2332	20050254	Phùng Thuý Hằng	11/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2333	20050255	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2334	20050258	Vũ Việt Hoàn	01/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2335	20050259	Nguyễn Đắc Hoàng	02/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2336	20050261	Trần Nam Hoàng	07/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2337	20050262	Lương Thị Hồng	11/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2338	20050263	Nguyễn Thị Thủy Hồng	03/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2339	20050264	Đoàn Thị Mai Huê	07/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2340	20050265	Hoàng Mạnh Hùng	06/16/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2341	20050266	Lưu Mạnh Hùng	08/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2342	20050267	Trịnh Mạnh Hùng	09/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2343	20050268	Bùi Thế Huy	02/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2344	20050269	Không Thị Khánh Huyền	08/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2345	20050270	Lê Thanh Huyền	06/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2346	20050271	Nguyễn Thị Phương Huyền	11/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2347	20050272	Phạm Thanh Huyền	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2348	20050273	Trần Thu Huyền	12/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2349	20050274	Nguyễn Thành Hưng	09/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2350	20050275	Nguyễn Văn Hưng	03/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2351	20050276	Đinh Thị Thu Hương	12/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2352	20050277	Lê Thu Hương	11/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2353	20050278	Hồ Thị Hường	06/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2354	20050279	Đoàn Duy Khánh	07/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2355	20050280	Nguyễn An Khánh	03/16/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2356	20050281	Bùi Tiến Khoa	10/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-	

2357	20050283	Phạm Thị Minh Khuê	11/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2358	20050284	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2359	20050285	Trần Thị Lan	07/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2360	20050286	Đào Đức Lâm	08/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2361	20050287	Công Hoàng Lân	12/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2362	20050288	Dương Thị Mai Linh	07/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2363	20050290	Đoàn Phương Linh	12/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2364	20050291	Lã Thùy Linh	11/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2365	20050293	Nguyễn Hải Linh	09/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2366	20050294	Nguyễn Khánh Linh	11/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2367	20050295	Nguyễn Thị Diệu Linh	11/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2368	20050296	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2369	20050297	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2370	20050298	Trần Thảo Linh	05/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2371	20050299	Trương Thị Khánh Linh	12/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2372	20050300	Nguyễn Khánh Loan	09/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2373	20050301	Nguyễn Trung Lương	08/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2374	20050302	Nguyễn Nhật Mai	04/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2375	20050303	Phạm Thị Sao Mai	02/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
2376	20050304	Trịnh Ngọc Mai	05/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2377	20050305	Bùi Đức Mạnh	01/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2378	20050306	Vũ Đức Mạnh	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2379	20050307	Trần Thị Hải Mây	05/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2380	20050308	Phạm Thị Trà Mi	12/28/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2381	20050311	Trần Nhật Minh	02/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2382	20050312	Nguyễn Trà My	06/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2383	20050313	Trần Đặng Trà My	12/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2384	20050314	Nguyễn Quốc Nam	09/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2385	20050315	Phạm Hoàng Nam	04/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2386	20050316	Đỗ Thị Thuý Nga	04/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



2387	20050317	Lê Thuý Nga	06/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2388	20050318	Nguyễn Phương Nga	09/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2389	20050319	Nguyễn Quỳnh Nga	12/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2390	20050320	Nguyễn Thị Phương Nga	05/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2391	20050321	Phạm Thị Nga	09/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2392	20050322	Hà Thị Thảo Ngân	09/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2393	20050323	Lương Tuấn Nghĩa	02/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2394	20050324	Trần Tuấn Nghĩa	06/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2395	20050325	Lê Thị Thúy Ngọc	11/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2396	20050326	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2397	20050327	Phạm Bích Ngọc	12/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2398	20050328	Trương Mạn Ngọc	02/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2399	20050330	Phạm Thảo Nguyên	12/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2400	20050331	Đình Long Nhật	04/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2401	20050332	Phan Hoàng Yến Nhi	12/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2402	20050333	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2403	20050334	Nguyễn Thị Thảo Như	01/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2404	20050335	Bùi Bích Phương	05/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2405	20050336	Nguyễn Lan Phương	08/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2406	20050337	Nguyễn Lan Phương	10/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2407	20050339	Nguyễn Thu Phương	06/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2408	20050340	Phan Thị Quỳnh Phương	11/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2409	20050341	Vũ Thanh Phương	11/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2410	20050342	Nguyễn Minh Quang	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2411	20050343	Nguyễn Minh Quân	01/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2412	20050344	Đào Anh Sơn	08/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2413	20050345	Trần Vũ Hải Sơn	09/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2414	20050346	Ngô Đức Tài	11/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2415	20050347	Nguyễn Hồng Thái	03/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2416	20050348	Tạ Thị Thanh	11/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2417	20050349	Nguyễn Thanh Thảo	04/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2418	20050350	Nguyễn Thu Thảo	02/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2419	20050351	Phạm Phương Thảo	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2420	20050352	Vũ Phương Thảo	11/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2421	20050353	Nguyễn Thị Thắm	09/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2422	20050354	Trương Thị Hồng Thắm	08/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
2423	20050357	Nguyễn Mạnh Thịnh	02/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2424	20050358	Nguyễn Thị Hoài Thu	08/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2425	20050359	Nguyễn Thị Thu	02/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2426	20050360	Nguyễn Thị Xuân Thu	10/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2427	20050361	Vũ Thị Thùy	05/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2428	20050363	Trương Minh Thư	10/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2429	20050364	Trần Diệu Thương	11/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2430	20050365	Lương Khánh Toàn	02/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2431	20050366	Quản Thị Trà	04/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2432	20050367	Trần Phương Trà	03/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2433	20050368	Văn Thị Trà	09/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2434	20050369	Đặng Thị Thùy Trang	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2435	20050370	Kiều Huyền Trang	11/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2436	20050371	Lê Thị Quỳnh Trang	07/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2437	20050372	Nguyễn Linh Trang	11/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2438	20050373	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2439	20050374	Phạm Quỳnh Trang	02/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2440	20050375	Trần Thị Huyền Trang	10/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2441	20050377	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2442	20050378	Phạm Việt Trung	12/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2443	20050379	Trần Nam Trung	04/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2444	20050380	Bùi Đức Tuấn	04/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2445	20050381	Lê Nguyễn Ngọc Tuấn	10/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2446	20050382	Đặng Việt Tùng	10/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2447	20050383	Hoàng Thanh Tùng	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2448	20050384	Nguyễn Đức Tùng	10/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2449	20050385	Dương Thị Ánh Tuyết	02/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2450	20050386	Lê Thị Hà Xuân	05/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2451	20050387	Nguyễn Thị Xuân	11/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2452	20050388	Phạm Thanh Xuân	02/16/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2453	20050390	Nguyễn Hải Yến	12/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2454	20050391	Nguyễn Thị Hải Yến	08/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa TCNH</b>				<i>443 sinh viên</i>				
2455	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2456	17050737	Phạm Hoàng Minh Châu	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2457	17050738	Nguyễn Linh Diệp	10/01/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2458	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2459	17050740	Đỗ Tiến Đạt	04/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2460	17050741	Nguyễn Thị Hà Giang	01/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2461	17050742	Lê Thu Giang	07/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2462	17050743	Nguyễn Ngọc Hải	04/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2463	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2464	17050746	Phạm Đức Huy	08/08/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2465	17050747	Bùi Huyền Hương	10/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2466	17050749	Nguyễn Khánh Linh	10/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2467	17050750	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	09/12/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	19,640,000	19,640,000	-	
2468	17050751	Nguyễn Thùy Linh	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2469	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2470	17050753	Trần Phương Nam	10/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2471	17050755	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2472	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	25,210,000	25,210,000	-	
2473	17050757	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	01/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2474	17050758	Lê Vũ Minh Quang	11/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2475	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2476	17050762	Nguyễn Anh Thư	09/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2477	17050764	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/16/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2478	17050765	Vũ Kiều Trinh	09/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2479	17050766	Phạm Anh Tuấn	07/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2480	18050852	Đinh Thị An	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2481	18050853	Trịnh Thục An	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2482	18050854	Đào Thị Quỳnh Anh	09/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2483	18050856	Lại Minh Anh	01/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2484	18050857	Lê Thị Châm Anh	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2485	18050858	Ngô Quỳnh Anh	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2486	18050859	Nguyễn Phương Anh	12/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2487	18050860	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2488	18050861	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2489	18050862	Phạm Ngọc Vân Anh	07/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2490	18050863	Trần Nam Anh	05/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2491	18050865	Ngô Thị Ánh	04/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
2492	18050866	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2493	18050867	Cao Gia Bách	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2494	18050868	Trần Việt Bảo	10/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2495	18050869	Phạm Bảo Châm	01/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2496	18050870	Vũ Minh Châu	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2497	18050871	Đào Thị Linh Chi	07/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2498	18050872	Hoàng Kim Chi	12/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2499	18050873	Lê Hoàng Linh Chi	05/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2500	18050874	Nguyễn Khánh Chi	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2501	18050875	Trần Phương Chi	09/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2502	18050876	Nguyễn Thị Chuyên	09/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2503	18050878	Đỗ Hải Đăng	04/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2504	18050879	Phạm Thành Đạt	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2505	18050881	Ngô Tiến Đức	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2506	18050883	Trịnh Đình Đức	03/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	-	
2507	18050884	Nguyễn Mạnh Dũng	11/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2508	18050885	Hoàng Ngọc Dương	07/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2509	18050886	Nguyễn Tùng Dương	08/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2510	18050889	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2511	18050890	Nguyễn Hương Giang	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2512	18050893	Nguyễn Thị Hiền	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2513	18050894	Bùi Thị Thu Hiền	10/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2514	18050897	Nguyễn Quang Hiếu	03/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2515	18050899	Nguyễn Thị Khánh Hòa	08/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2516	18050901	Phạm Huy Hoàng	12/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2517	18050902	Hồ Thị Huệ	02/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2518	18050903	Lê Minh Hương	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2519	18050904	Nguyễn Thị Diệu Hương	11/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2520	18050905	Kiều Quang Huy	03/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2521	18050908	Nguyễn Thanh Huyền	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2522	18050909	Nguyễn Trung Kiên	04/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	-	
2523	18050910	Đặng Tùng Lâm	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2524	18050911	Vũ Hoàng Lan	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	-	
2525	18050913	Đinh Diệu Linh	03/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2526	18050914	Đinh Hoàng Linh	08/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2527	18050916	Dương Thị Yến Linh	11/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2528	18050917	Nguyễn Bảo Linh	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2529	18050918	Nguyễn Khánh Linh	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2530	18050919	Nguyễn Thị Thủy Linh	11/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2531	18050920	Nguyễn Thùy Linh	08/07/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2532	18050922	Phạm Ngọc Khánh Linh	12/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
2533	18050923	Vũ Thùy Linh	02/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2534	18050924	Nguyễn Đăng Thanh Long	09/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2535	18050925	Nguyễn Phan Đình Long	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2536	18050926	Nguyễn Quỳnh Mai	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2537	18050927	Nguyễn Thị Hoa Mai	01/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2538	18050929	Nguyễn Ngọc Minh	02/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2539	18050930	Trần Công Minh	01/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2540	18050931	Trần Lê Minh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2541	18050932	Nguyễn Hà My	04/01/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2542	18050933	Nguyễn Thị Du Mỹ	10/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2543	18050934	Tô Hoàng Nam	12/22/1998	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2544	18050937	Nguyễn Tố Nga	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2545	18050938	Lê Minh Ngọc	10/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2546	18050941	Trần Thị Ánh Ngọc	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2547	18050942	Nguyễn Thảo Nguyên	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2548	18050943	Mai Quỳnh Nhi	08/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2549	18050945	Tào Lê Yên Nhi	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2550	18050946	Trịnh Thị Phương Nhi	02/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2551	18050947	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2552	18050948	Vũ Trang Nhung	12/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2553	18050949	Lê Đức Phong	12/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2554	18050950	Trịnh Xuân Phong	09/25/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	16,175,000	16,175,000	-	
2555	18050952	Nguyễn Thế Quang	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2556	18050953	Ngô Thị Thủy Sinh	03/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2557	18050954	Nguyễn Thanh Tâm	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2558	18050955	Đinh Thị Tăng	12/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2559	18050957	Nghiêm Chí Thành	12/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2560	18050958	Trịnh Đức Thành	03/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2561	18050960	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2562	18050961	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2563	18050962	Vũ Phương Thảo	09/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2564	18050963	Lê Ngọc Thùy	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2565	18050966	Cao Thị Thùy Trang	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2566	18050967	Đinh Hà Trang	05/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2567	18050968	Nguyễn Minh Trang	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2568	18050969	Nguyễn Thu Trang	05/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2569	18050970	Nguyễn Yên Trang	08/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2570	18050971	Tạ Thị Phương Trang	08/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2571	18050972	Trần Thị Thu Trang	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2572	18050973	Trần Thu Trang	07/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2573	18050974	Trần Vũ Minh Triết	09/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,070,000	20,070,000	-
2574	18050975	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	02/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2575	18050976	Nguyễn Đức Trung	12/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2576	18050977	Nguyễn Mạnh Trường	10/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2577	18050978	Khổng Gia Tường	01/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2578	18050981	Hoàng Long Tùng Vân	09/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2579	18050984	Phạm Kim Yên	12/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2580	18050985	Đào Thị Hải Yến	08/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2581	18050986	Nguyễn Thị Yến	06/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2582	19050598	Cao Phúc An	10/29/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2583	19050599	Nguyễn Thiện An	02/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2584	19050600	Đào Bảo Anh	08/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2585	19050601	Đông Thị Kim Anh	11/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2586	19050602	Hoàng Thị Lan Anh	05/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2587	19050603	Ngô Phương Thảo Anh	10/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2588	19050605	Nguyễn Đức Anh	12/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2589	19050606	Nguyễn Phương Anh	04/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2590	19050608	Nguyễn Thị Vân Anh	03/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2591	19050609	Nguyễn Tiến Anh	01/04/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2592	19050610	Nguyễn Tuấn Anh	06/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2593	19050611	Phạm Nguyệt Anh	10/29/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2594	19050612	Phạm Quốc Anh	05/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2595	19050613	Phạm Thị Trà Anh	03/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2596	19050615	Vũ Đào Thảo Anh	08/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2597	19050616	Vũ Thị Phương Anh	02/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2598	19050617	Vũ Thị Phương Anh	02/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2599	19050618	Vũ Tuệ Anh	01/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2600	19050619	Đỗ Ngọc Ánh	12/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2601	19050620	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2602	19050621	Phạm Thanh Bình	08/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2603	19050622	Nguyễn Ngọc Minh Châu	10/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2604	19050623	Nguyễn Phạm Linh Chi	09/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2605	19050624	Nguyễn Thị Linh Chi	12/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2606	19050626	Cao Thị Linh Đan	10/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2607	19050627	Nguyễn Hải Đăng	09/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2608	19050629	Vương Tiến Đạt	10/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2609	19050630	Đặng Thùy Dung	03/27/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2610	19050631	Đỗ Mạnh Dũng	03/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2611	19050633	Phạm Duy Tấn Dũng	09/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2612	19050634	Lê Minh Dương	08/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2613	19050635	Nguyễn Thùy Dương	09/29/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2614	19050636	Phan Thùy Dương	09/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2615	19050638	Vũ Thái Duy	10/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2616	19050639	Nguyễn Phương Duyên	08/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2617	19050640	Đông Trường Giang	10/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2618	19050641	Nguyễn Hoàng Giang	12/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2619	19050643	Trần Minh Hải	07/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2620	19050644	Kiều Thu Hằng	03/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2621	19050645	Nguyễn Thị Hằng	03/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2622	19050646	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2623	19050647	Trần Minh Hằng	12/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2624	19050648	Hoàng Hồng Hạnh	09/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2625	19050649	Phùng Hồng Hạnh	04/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	



2626	19050650	Nguyễn Xuân Hào	02/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2627	19050651	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2628	19050652	Nguyễn Thị Thúy Hiền	03/12/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2629	19050654	Lương Cao Trung Hiếu	06/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2630	19050656	Nguyễn Minh Hòa	10/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2631	19050658	Nguyễn Hữu Hoàng	08/31/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2632	19050659	Phạm Thị Huế	03/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2633	19050660	Nguyễn Lê Sinh Hùng	07/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2634	19050662	Nguyễn Quang Hưng	09/01/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2635	19050663	Trần Thành Hưng	05/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2636	19050665	Vũ Thu Hương	08/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2637	19050666	Nguyễn Quang Huy	11/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2638	19050667	Nguyễn Quang Huy	11/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	
2639	19050668	Lê Khánh Huyền	07/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2640	19050669	Lê Thanh Huyền	05/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2641	19050670	Nguyễn Khánh Huyền	09/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2642	19050671	Nguyễn Thu Huyền	03/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2643	19050673	Đoàn Trung Kiên	11/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2644	19050675	Cao Thị Nhật Lệ	08/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2645	19050676	Trần Thị Hồng Liên	01/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2646	19050678	Đỗ Thị Hoài Linh	06/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2647	19050679	Lê Phương Linh	04/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2648	19050680	Ngô Hoàng Linh	06/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2649	19050681	Nguyễn Khánh Linh	04/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2650	19050682	Nguyễn Thị Phương Linh	02/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2651	19050683	Phạm Thị Yến Linh	05/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2652	19050684	Vũ Khánh Linh	11/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2653	19050685	Vũ Mai Linh	11/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2654	19050687	Hoàng Long	01/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2655	19050688	Lê Hiền Lương	10/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2656	19050689	Nông Thị Hương Ly	09/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2657	19050690	Lê Nguyễn Ngọc Mai	11/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2658	19050691	Nguyễn Huyền Mai	06/27/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2659	19050692	Phạm Thị Diễm Mi	06/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2660	19050693	Nguyễn Ngọc Minh	04/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2661	19050694	Nguyễn Nhật Minh	01/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
2662	19050695	Nguyễn Thị Thanh Minh	10/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2663	19050696	Phạm Thị Hải Minh	04/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2664	19050697	Trần Công Minh	06/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2665	19050698	Đào Diễm My	11/18/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2666	19050699	Nguyễn Thị Trà My	06/12/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2667	19050701	Chu Thanh Nga	02/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2668	19050702	Đỗ Phương Nga	08/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2669	19050703	Thái Thị Quỳnh Nga	10/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2670	19050706	Hoàng Yến Ngọc	11/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2671	19050707	Nguyễn Minh Ngọc	03/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2672	19050708	Nguyễn Minh Ngọc	01/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2673	19050709	Phạm Thị Bích Ngọc	03/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2674	19050710	Lê Thị Vân Nhi	10/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2675	19050711	Đỗ Thị Trang Nhung	08/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2676	19050712	Nguyễn Quốc Phú	12/01/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2677	19050713	Lê Kinh Phúc	11/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2678	19050714	Nguyễn Hà Phương	02/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2679	19050715	Nguyễn Hiền Phương	05/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2680	19050716	Nguyễn Hiếu Phương	10/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2681	19050717	Nguyễn Mai Phương	01/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2682	19050718	Nguyễn Thị Hà Phương	02/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2683	19050720	Nguyễn Phúc Minh Quang	09/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2684	19050721	Nguyễn Thu Quyên	04/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2685	19050723	Nguyễn Như Quỳnh	04/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2686	19050725	Phan Thị Diễm Quỳnh	10/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	-
2687	19050726	Trịnh Như Quỳnh	08/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2688	19050727	Hoàng An Sơn	05/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2689	19050728	Phạm Trường Sơn	07/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2690	19050729	Trần Mạnh Tân	01/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2691	19050731	Đông Văn Thành	02/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2692	19050732	Đặng Phương Thảo	12/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2693	19050733	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2694	19050734	Trần Phương Thảo	01/04/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2695	19050735	Trịnh Thị Phương Thảo	05/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2696	19050736	Trương Phương Thảo	10/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2697	19050737	Nguyễn Thị Anh Thu	12/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2698	19050738	Nguyễn Anh Thư	08/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2699	19050740	Trần Minh Thư	08/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2700	19050741	Hán Quỳnh Thu Thương	11/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2701	19050743	Phạm Thị Thùy	10/01/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2702	19050744	Phạm Thị Thanh Thùy	02/05/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
2703	19050745	Phí Thanh Thùy	10/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2704	19050746	Cao Thị Thủy Tiên	03/12/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2705	19050749	Hà Bảo Trâm	03/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2706	19050752	Lâm Kiều Trang	07/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2707	19050753	Nguyễn Hạnh Trang	04/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2708	19050755	Nguyễn Thị Mai Trang	10/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2709	19050756	Phạm Quỳnh Trang	04/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2710	19050757	Vũ Thùy Trang	10/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2711	19050758	Nguyễn Thị Trinh	05/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2712	19050759	Hoàng Đức Trung	08/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2713	19050760	Nguyễn Đức Trung	09/04/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2714	19050762	Ngụy Huy Tú	05/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2715	19050763	Đinh Khắc Tuấn	11/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2716	19050764	Trương Anh Tuấn	01/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2717	19050765	Nguyễn Hoàng Tùng	01/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2718	19050766	Nguyễn Hữu Tùng	09/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2719	19050769	Nguyễn Minh Tuyết	06/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2720	19050770	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2721	19050771	Phùng Ngọc Uyên	10/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2722	19050773	Đào Thị Thanh Vân	05/05/1990	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2723	19050774	Hoàng Thị Thảo Vân	08/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2724	19050775	Lê Thị Thảo Vân	04/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2725	19050776	Nguyễn Thảo Vân	06/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2726	19050777	Nguyễn Thị Ngọc Vân	07/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2727	19050778	Trần Phan Thanh Vân	08/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2728	19050780	Bùi Đức Việt	10/27/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2729	19050782	Hoàng Thị Hải Yến	12/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2730	19050783	Nguyễn Thị Yến	05/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2731	19050785	Lương Thị Thu Dương	09/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2732	19050796	Đỗ Thị Hoàng Anh	09/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2733	20050028	Đông Phương Linh	06/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2734	20050035	Đặng Thị Thanh Thảo	01/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2735	20050039	Đinh Hoàng Minh Anh	06/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2736	20050045	Nguyễn Quang Anh	02/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2737	20050059	Nguyễn Hoàng Đăng	10/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2738	20050070	Trần Ngọc Dung	11/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2739	20050080	Ngô Vũ Hương Giang	12/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2740	20050082	Lê Thị Thu Hà	01/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2741	20050085	Phạm Hoàng Hải	09/18/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2742	20050089	Phạm Xuân Thành Hiếu	09/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2743	20050100	Nguyễn Thị Út Hương	08/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2744	20050114	Nguyễn Thanh Lâm	05/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2745	20050116	Đặng Trần Gia Linh	04/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-

2746	20050131	Bùi Nhật Mai	03/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2747	20050133	Nguyễn Trần Nhật Mai	01/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2748	20050134	Quách Hoàng Mai	10/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2749	20050182	Trần Xuân Việt	01/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2750	20050392	Nguyễn Duy An	09/17/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2751	20050393	Nguyễn Tuấn An	02/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2752	20050394	Phạm Thu An	10/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2753	20050395	Lê Minh Anh	02/13/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2754	20050396	Nguyễn Lê Trúc Anh	03/18/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2755	20050397	Nguyễn Ngọc Minh Anh	04/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2756	20050399	Ninh Phương Anh	09/28/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2757	20050400	Phạm Đăng Anh	05/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2758	20050401	Phạm Thị Vân Anh	08/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2759	20050402	Trần Linh Anh	08/17/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2760	20050403	Vũ Quỳnh Anh	08/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2761	20050404	Nguyễn Ngọc Ánh	04/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2762	20050405	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/06/2001	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2763	20050406	Phạm Mai Ánh	12/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2764	20050407	Kiều Quốc Bảo	06/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2765	20050408	Nguyễn Quang Bắc	01/05/2001	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2766	20050409	Nguyễn Thị Bình	04/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2767	20050410	Cao Minh Châu	08/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2768	20050411	Vũ Minh Châu	08/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2769	20050412	Bùi Ngọc Quỳnh Chi	06/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2770	20050413	Nguyễn Thị Cúc	10/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2771	20050414	Nguyễn Đình Nhật Cường	01/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2772	20050415	Trần Thị Ngọc Diễm	11/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2773	20050416	Đoàn Anh Dũng	03/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2774	20050418	Vũ Đức Dũng	06/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2775	20050419	Chu Ngọc Duy	06/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2776	20050420	Hoàng Trọng Cảnh Duy	06/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2777	20050421	Trần Ánh Dương	12/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2778	20050422	Bùi Viết Đạt	08/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2779	20050423	Nguyễn Tuấn Đạt	03/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2780	20050424	Nguyễn Anh Đức	08/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	18,425,000	-	
2781	20050425	Dương Hoàng Gia	08/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2782	20050426	Phạm Thị Hương Giang	07/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2783	20050427	Chu Phương Hà	11/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2784	20050428	Lê Thị Thu Hà	08/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2785	20050429	Lê Thu Hà	05/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2786	20050431	Tô Thị Nguyệt Hà	09/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2787	20050432	Lương Ngọc Hải	10/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2788	20050433	Nguyễn Trung Hải	06/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2789	20050434	Bùi Thị Hằng	08/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2790	20050435	Lê La Hằng	03/29/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2791	20050436	Trịnh Thanh Hằng	10/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2792	20050437	Đào Thị Bích Hiền	10/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2793	20050438	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
2794	20050439	Trần Phương Hiền	10/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2795	20050440	Nguyễn Đức Hiếu	03/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2796	20050441	Nguyễn Thị Hòa	11/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2797	20050442	Nguyễn Thu Hòa	10/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2798	20050443	Nguyễn Thị Hoài	06/21/2001	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2799	20050444	Hoàng Thị Ánh Hồng	06/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2800	20050445	Nguyễn Thị Huệ	07/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2801	20050446	Nguyễn Đức Hùng	10/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2802	20050447	Nguyễn Lương Hùng	08/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2803	20050448	Đào Đức Huy	06/28/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2804	20050449	Hoàng Quang Huy	12/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2805	20050450	Đào Khánh Huyền	12/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2806	20050452	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2807	20050453	Lê Công Hưng	06/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2808	20050454	Dương Thị Hương	07/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2809	20050455	Giang Thu Hương	07/13/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2810	20050456	Nguyễn Linh Hương	05/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2811	20050457	Trần Diệu Hương	02/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2812	20050458	Trần Thu Hương	11/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2813	20050459	Đoàn Thị Ngọc Khánh	11/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2814	20050461	Nguyễn Hoàng Mai Lan	09/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2815	20050463	Nguyễn Đức Lâm	06/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2816	20050465	Đỗ Nguyệt Linh	11/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2817	20050466	Lưu Khánh Linh	10/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2818	20050467	Nguyễn Hoàng Linh	07/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2819	20050468	Nguyễn Khánh Linh	12/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2820	20050470	Nguyễn Tuấn Linh	11/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2821	20050471	Phan Diệu Linh	04/17/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2822	20050473	Trần Khánh Linh	04/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2823	20050474	Trần Thảo Linh	06/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-	
2824	20050475	Vũ Khánh Linh	06/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2825	20050476	Lê Thị Khánh Ly	01/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2826	20050477	Bành Ngọc Mai	08/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2827	20050478	Nguyễn Hoàng Mai	11/13/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2828	20050479	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2829	20050480	Phạm Thị Mai	09/16/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2830	20050481	Thân Thu Mai	06/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2831	20050482	Vũ Đức Mạnh	09/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2832	20050485	Ma Thị Nhật Minh	07/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2833	20050487	Nguyễn Thảo Minh	07/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2834	20050488	Nguyễn Trường Nhật Minh	07/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2835	20050489	Phan Nhật Minh	09/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2836	20050490	Nguyễn Huyền My	04/24/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2837	20050491	Nguyễn Thị Lê Na	07/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2838	20050493	Nguyễn Hoàng Nam	01/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2839	20050495	Lê Phương Nga	09/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2840	20050496	Nguyễn Phương Nga	02/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2841	20050497	Phạm Thị Thanh Ngân	09/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2842	20050498	Đỗ Hữu Nghĩa	12/08/1999	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2843	20050499	Mai Thúy Ngọc	01/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2844	20050500	Nguyễn Minh Ngọc	07/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2845	20050501	Trần Minh Ngọc	10/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2846	20050503	Đào Dung Nhi	04/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2847	20050504	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2848	20050505	Vũ Hồng Nhung	03/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2849	20050506	Bùi Hà Phương	08/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2850	20050507	Đặng Minh Phương	02/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2851	20050508	Trần Ngọc Thảo Phương	04/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2852	20050509	Trần Thu Phương	03/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2853	20050510	Nguyễn Minh Quân	11/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2854	20050511	Đỗ Quyên	05/14/2000	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2855	20050512	Đinh Như Quyên	11/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2856	20050513	Đoàn Thị Thúy Quỳnh	08/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2857	20050515	Nguyễn Ngọc Quỳnh	04/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2858	20050516	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	04/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2859	20050517	Nguyễn Thu Quỳnh	09/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2860	20050518	Phan Thị Thúy Quỳnh	11/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2861	20050519	Trần Ngọc Sơn	12/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2862	20050520	Trần Thu Sương	01/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2863	20050522	Lê Tạ Hồng Thanh	12/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2864	20050523	Lã Phương Thảo	04/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2865	20050524	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-



2866	20050525	Trần Hữu Thọ	08/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2867	20050526	Đoàn Thu Thủy	11/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2868	20050527	Nguyễn Đình Tiến	10/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2869	20050528	Hoàng Trung Tín	08/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2870	20050530	Vũ Phương Trà	08/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2871	20050531	Đặng Thu Trang	09/28/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2872	20050532	Lê Thùy Trang	06/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2873	20050533	Nguyễn Hiền Trang	10/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2874	20050534	Nguyễn Huyền Trang	04/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2875	20050535	Nguyễn Quỳnh Trang	03/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2876	20050536	Nguyễn Thị Trang	05/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2877	20050537	Nguyễn Thị Trang	10/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2878	20050538	Nguyễn Thu Trang	08/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2879	20050540	Trần Thị Huyền Trâm	10/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2880	20050541	Đào Ngọc Trí	02/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2881	20050542	Ngô Huy Việt Trung	12/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2882	20050543	Nguyễn Tiến Tú	02/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2883	20050544	Nguyễn Hoàng Tuấn	11/29/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2884	20050545	Lê Thị Phương Uyên	07/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2885	20050546	Nguyễn Anh Văn	02/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2886	20050547	Đinh Thị Hồng Vân	12/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2887	20050548	Vũ Quỳnh Vân	05/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2888	20050549	Lê Hạ Vi	08/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2889	20050551	Phạm Thảo Vi	10/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2890	20050553	Ngô Lê Minh Vũ	03/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2891	20050554	Trần Đăng Vũ	02/16/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	-	
2892	20050555	Phạm Đức Vương	09/29/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2893	20050556	Đậu Thảo Vy	11/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2894	20050557	Vũ Thị Kiều Vy	11/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2895	20050558	Lương Thị Yến	02/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2896	20050559	Lưu Thị Yến	09/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2897	20050560	Nguyễn Hà Hải Yến	02/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

*Danh sách gồm 2897 sinh viên*